

CHUYÊN MỤC TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ



*** CÁC VẤN ĐỀ VỀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Sẽ giãn thời hạn xử lý ủy quyền giao dịch chứng khoán

Rắc rối trong việc phải công chứng ủy quyền giao dịch chứng khoán tại các CTCK lớn đến mức Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCK) dự kiến sẽ xin Bộ Tài chính một khoảng thời gian là 3 tháng, kể từ 1/8/2011 để các CTCK xử lý vấn đề này.

Theo quy định tại Thông tư 74/2011/TT-BTC, NĐT ủy quyền cho các cá nhân khác phải có công chứng hoặc xác nhận của chính quyền địa phương và phải thực hiện dưới dạng hợp đồng ủy quyền. Trong khi những ủy quyền cũ chưa có hướng dẫn xử lý, việc ủy quyền theo quy định mới có không ít khó khăn.

Tại cuộc trao đổi giữa các CTCK và UBCK nhằm góp ý cho công văn hướng dẫn thực hiện Thông tư 74 diễn ra mới đây, nhiều CTCK cho biết, đang có 2 cách hiểu khác nhau trong việc công chứng ủy quyền giao dịch chứng khoán. Đại diện UBCK cũng thừa nhận đang tồn tại điều này. Một số văn phòng công chứng tại TP. HCM, Đà Nẵng yêu cầu khi đến công chứng người ủy quyền phải có hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán, hộ khẩu, CMND, giấy xác nhận độc thân hoặc giấy đăng ký kết hôn. Nếu đã kết hôn phải có cả vợ và chồng đến văn phòng công chứng để làm thủ tục. Đại diện Văn phòng Công chứng Bến Thành nói với ĐTCK, NĐT đang trong tình trạng hôn nhân nên tài sản ủy quyền thuộc về cả vợ và chồng. Do đó, khi thực hiện ủy quyền thì phải có xác nhận của cả vợ hoặc chồng.

Tuy nhiên, một số văn phòng công chứng khác lại cho rằng, không cần phải có chữ ký xác nhận của vợ hoặc chồng. Đại diện Văn phòng công chứng Thăng Long (Hà Nội) cho biết, văn phòng này không yêu cầu khi thực hiện công chứng hợp đồng ủy quyền người ủy quyền phải có vợ hoặc chồng đến ký xác nhận. Điều này là phù hợp với quy định của pháp luật, bởi trước đó chủ tài khoản mở tài khoản giao dịch, mua - bán chứng khoán, nộp rút tiền chỉ do một mình quyết định, chứ không có chữ ký của vợ hoặc chồng. Nếu bây giờ buộc ủy quyền công chứng phải có chữ ký của vợ hoặc chồng, thì những giao dịch chứng khoán về sau cũng phải yêu cầu như vậy. Điều này tạo ra sự phiền phức không đáng có cho NĐT.

Thừa nhận những văn phòng công chứng chỉ yêu cầu 1 chủ tài khoản xác nhận ủy quyền (không yêu cầu vợ hoặc chồng xác nhận) là đơn giản, thuận tiện cho NĐT, nhưng không ít CTCK vẫn e ngại về tính pháp lý nếu sau này có phát sinh tranh chấp. Trong lĩnh vực chứng khoán, tính đến thời điểm này, số vụ tranh chấp chủ yếu

xuất phát từ vấn đề ủy quyền giao dịch. Tuy nhiên, cơ quan quản lý là UBCK và Bộ Tài chính đến nay vẫn chưa bày tỏ quan điểm rõ ràng về vấn đề này bằng hướng dẫn cụ thể, mặc dù thời điểm ngày 1/8 để thực hiện Thông tư 74 đã cận kề.

Nhìn rộng hơn, nhiều CTCK kiến nghị nên chấp nhận hình thức ủy quyền bằng giấy ủy quyền, thay vì hợp đồng ủy quyền dẫn đến phải công chứng, chứng thực. Ông Nguyễn Thanh Hải, Tổng giám đốc CTCK An Bình nêu ra các lý do dẫn đến yêu cầu phải sửa đổi quy định tại Điều 9 Thông tư 74 về tài khoản giao dịch ủy quyền theo hướng không bắt buộc phải qua công chứng, chứng thực. Một trong những lý do là không phù hợp với xu hướng cải cách thủ tục, giảm phiền hà cho người dân hiện nay; các giao dịch ủy quyền khác trong lĩnh vực tài chính ngân hàng cũng không đòi hỏi công chứng chứng thực (ủy quyền tài khoản tiền gửi tại ngân hàng), gây tốn kém đáng kể về chi phí và thời gian cho nhà đầu tư, đặc biệt là không có ý nghĩa nhiều trong bối cảnh giao dịch trực tuyến.

Đại diện một số CTCK cho rằng, không nên vì một số ít vi phạm cố ý làm trái của nhân viên CTCK (tự ý dùng chứng minh nhân dân người khác mở tài khoản và ủy quyền) để buộc tất cả những NĐT (số đông) khi ủy quyền phải qua công chứng, chứng thực. Việc ủy quyền này chỉ cần quy định bằng hình thức văn bản (giấy ủy quyền, hợp đồng ủy quyền) ghi rõ phạm vi ủy quyền; có chữ ký của bên ủy quyền (trùng khớp với chữ ký mẫu của chủ tài khoản), chữ ký người được ủy quyền và có xác nhận của CTCK là đủ.

Nguyễn Thành - Đầu tư chứng khoán

Nhà đầu tư sợ trái phiếu chuyển đổi

Nhà đầu tư có thể sẽ không còn mặn mà với trái phiếu chuyển đổi (TPCĐ) nếu doanh nghiệp tiếp tục phát hành TPCĐ theo cách cũ.

Thiệt đơn thiệt kép

Do những khó khăn không ngờ khiến TTCK giảm quá sâu, NĐT mua TPCĐ đã không được vẹn toàn lợi ích như kỳ vọng trước đó. Thời gian gần đây, báo chí đề cập khá nhiều đến những bức xúc của NĐT khi tham gia mua TPCĐ. Bức xúc lớn nhất là trái chủ không được quyền lựa chọn chuyển đổi hay không chuyển đổi trái phiếu khi đến hạn. Điển hình là trường hợp NĐT mua TPCĐ của CTCP Cơ điện lạnh (REE) phải ngậm ngùi khi bắt buộc phải chuyển đổi sang cổ phiếu REE với giá cao hơn 10% so với giá giao dịch trên sàn.

Với NĐT đã mua TPCĐ của Ngân hàng Nhà Hà Nội-Habubank (HBB), thua thiệt cũng là điều thấy trước. Dù ngày 5/8 tới mới đến hạn chốt danh sách chuyển đổi và giá chuyển đổi được tính theo mệnh giá, nhưng căn cứ vào diễn biến giá cổ phiếu

HBB dưới mệnh giá suốt 5 tháng qua, trái chủ sẽ không có lợi khi buộc phải chuyển đổi thành cổ đông Ngân hàng.

Thực tế, NĐT phải chi ra số tiền không nhỏ khi mua TPCĐ. Chỉ cần đăng ký mua 100 trái phiếu (mệnh giá 1 triệu đồng/TP), thì NĐT đã phải bỏ ra cả trăm triệu đồng. Tuy nhiên, những đợt huy động vốn qua TPCĐ của doanh nghiệp trong năm 2010 vẫn nhận được sự ủng hộ. Thứ nhất, NĐT tin tưởng ở hoạt động của doanh nghiệp. Thứ hai, họ tin rằng, nếu phải chuyển đổi sang cổ phiếu khi đến hạn, giá chuyển đổi vẫn sẽ thấp hơn giá thị trường.

Nhưng điều NĐT không ngờ đã xảy ra. Giá cổ phiếu REE tại ngày chốt danh sách chuyển đổi (ngày 15/7) đã về mức 11.600 đồng/CP, thấp hơn khá nhiều so với giá chuyển đổi là 13.800 đồng/CP. Khi thị giá cổ phiếu REE và giá cổ phiếu của nhiều doanh nghiệp khác về dưới giá chuyển đổi, việc bắt buộc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trở thành nỗi bức xúc của NĐT. NĐT cho rằng, bắt buộc họ phải chuyển đổi là không hợp lý.

Với trường hợp TPCĐ không bắt buộc phải chuyển đổi như ở CTCK Sài Gòn (SSI), nhưng thiệt hại cho NĐT không phải là không có. Tính ra, NĐT đã cho SSI vay với số tiền 2.000 tỷ đồng, trong khi lãi suất nhận về chỉ là 4%/năm, thấp hơn rất nhiều so với lãi suất ngân hàng. Dù vậy, NĐT vẫn còn niềm an ủi khi được quyền không chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu. Nhờ đó, trái chủ đã tránh được thiệt hại, bởi giá chuyển đổi sang cổ phiếu SSI cao hơn thị giá.

Ngân hàng Sài Gòn - Hà Nội (SHB) cũng cho phép trái chủ được quyền lựa chọn. Tuy nhiên, cách thức thay đổi đột ngột thời gian đăng ký chuyển đổi (từ 4/5 - 18/5 được lùi lại thành 21/4 - 5/5) khiến nhiều NĐT không theo sát thông tin bị "hớ". Những trái phiếu không đăng ký mặc nhiên được hiểu là đồng ý chuyển đổi sang cổ phiếu. Do đó, dù giá chuyển đổi cao hơn thị giá và gây ra không ít thiệt hại cho trái chủ, nhưng SHB vẫn có 88% TPCĐ được chuyển đổi thành cổ phiếu.

Cần trao quyền cho trái chủ

Nếu như trước đây, TPCĐ được ví như công cụ đầu tư an toàn, hiệu quả, thì giờ đây, trước diễn biến giá chứng khoán giảm sâu và lãi huy động tăng cao, nắm giữ TPCĐ phải chịu sự thua thiệt.

Ông Trịnh Hoài Giang, Phó tổng giám đốc CTCK TP. HCM (HSC) cho biết, hiện nay đa số doanh nghiệp phát hành TPCĐ là TPCĐ bắt buộc. Cách thức này đang khác biệt và đi ngược với thông lệ phát hành TPCĐ ở các nước là NĐT có quyền không chuyển đổi nếu thấy việc chuyển đổi là không có lợi.

Theo ông Giang, muốn cải thiện hình ảnh của giới đầu tư về TPCĐ, tăng tính hấp dẫn của TPCĐ trong bối cảnh hiện nay, không gì hơn là doanh nghiệp phải để

NĐT được quyền lựa chọn. Ngoài ra, doanh nghiệp phải đưa ra những điều kiện đủ thu hút liên quan điều kiện chuyển đổi, giá chuyển đổi. Cấu trúc phát hành TPCĐ của doanh nghiệp cũng cần dựa trên đối tượng phát hành, mức độ chấp nhận rủi ro của NĐT. Ngoài ra, doanh nghiệp phải nghĩ đến phương án phát hành TPCĐ ở kỳ hạn dài hơn (trên 3 năm). Có như vậy, đồng vốn doanh nghiệp huy động được mới có thể đảm bảo được sử dụng hiệu quả.

Theo Ngọc Thủy

ĐTCK

Bộ Tài chính: Siết chặt điều kiện phát hành trái phiếu được bảo lãnh

Bộ Tài chính đang lấy ý kiến dự thảo Thông tư hướng dẫn về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Theo đó, doanh nghiệp (DN) phát hành trái phiếu phải có báo cáo tài chính 3 năm liền kề trước năm đề nghị phát hành trái phiếu đã được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước hoặc tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính này phải là báo cáo kiểm toán nêu ý kiến chấp nhận toàn phần. Trong vòng 10 ngày sau khi kết thúc mỗi quý và 20 ngày sau khi kết thúc năm tài chính, chủ thể phát hành có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình hoạt động, sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu được bảo lãnh bằng văn bản cho Bộ Tài chính để theo dõi. Riêng đối với báo cáo tài chính năm phải được xác nhận của cơ quan kiểm toán.

Trong 2 năm trở lại đây, các đợt phát hành trái phiếu DN huy động vốn quốc tế của các tập đoàn lớn như Petro Việt Nam, TKV và EVN đều bị hoãn, hủy. Lý do ngoài khó khăn từ khủng hoảng kinh tế thế giới, định mức tín nhiệm của các tập đoàn cũng như cả Việt Nam bị rớt hạng nên khó thu hút vốn nước ngoài

Nguồn: ĐTCK

Tổng hợp kết quả kinh doanh các công ty niêm yết trên HNX

Các doanh nghiệp niêm yết trên HNX là HTB, VCR, VNF, SSS, LUT, NET, NGC và LO5 công bố kết quả kinh doanh quý 2 và lũy kế 6 tháng đầu năm 2011.

* Công ty Cổ phần Xây dựng Huy Thắng (mã HTB-HNX) công bố doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong quý 2 đạt 11,52 tỷ đồng, lũy kế 6 tháng năm 2011 đạt 18,53 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế trong quý 2 đạt 59,4 triệu đồng, lũy kế 6 tháng năm 2011 đạt 105,6 triệu đồng. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) 6 tháng năm 2011 đạt 92 đồng.

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 7, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

Năm 2011, HTB đặt mục tiêu với doanh thu thuần đạt 80 tỷ đồng; lợi nhuận trước và sau thuế đạt 5 tỷ đồng và 3,75 tỷ đồng.

* Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (mã VCR-HNX) công bố doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong quý 2 đạt 26,12 tỷ đồng, lũy kế 6 tháng năm 2011 đạt 49,94 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế trong quý 2 đạt 5,13 tỷ đồng, lũy kế 6 tháng năm 2011 đạt 13 tỷ đồng. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) 6 tháng năm 2011 đạt 376 đồng, EPS quý 2 đạt 146 đồng.

Năm 2011, VCR thông qua kế hoạch kinh doanh với giá trị sản xuất kinh doanh dự kiến đạt 465,693 tỷ đồng, tăng 120,76% so với năm 2010; doanh thu đạt 312,990 tỷ đồng, tăng 186,56% so với năm 2010; Lợi nhuận đạt 101,559 tỷ đồng, tăng 125,03% so với kế hoạch và cổ tức 16%/năm.

* Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại Thương (mã VNF-HNX) công bố kết quả kinh doanh công ty mẹ với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong quý 2 đạt 50,2 tỷ đồng, lũy kế 6 tháng năm 2011 đạt 85,3 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế trong quý 2 đạt 2,84 tỷ đồng, lũy kế 6 tháng năm 2011 đạt 37,45 tỷ đồng.

Năm 2011, VNF thông qua kế hoạch kinh doanh với doanh thu đạt 935 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế đạt 65 tỷ đồng; cổ tức tối thiểu đạt 20%.

* Công ty Cổ phần Sông Đà 6.06 (mã SSS-HNX) công bố doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong quý 2 đạt 20,43 tỷ đồng, lũy kế 6 tháng năm 2011 đạt 34,93 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế trong quý 2 đạt 227,22 triệu đồng, lũy kế 6 tháng năm 2011 đạt 610,24 triệu đồng. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) 6 tháng năm 2011 đạt 244 đồng, EPS quý 2 chỉ đạt 91 đồng.

Năm 2011, tổng giá trị sản xuất kinh doanh đạt 81,145 tỷ đồng; Doanh thu đạt 83,267 tỷ đồng; Lợi nhuận đạt 6,27 tỷ đồng; cổ tức từ 12-15%.

* Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lương Tài (mã LUT-HNX) công bố doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong quý 2 đạt 28,44 tỷ đồng, lũy kế 6 tháng năm 2011 đạt 40,57 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế trong quý 2 đạt 1,099 tỷ đồng, lũy kế 6 tháng năm 2011 đạt 1,62 tỷ đồng. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) 6 tháng năm 2011 đạt 294 đồng, EPS quý 2/2011 đạt 199 đồng.

Năm 2011, LUT thông qua kế hoạch với tổng doanh thu đạt 150 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 13 tỷ đồng, cổ tức 8%.

* Công ty Cổ phần Bột giặt Net (mã NET-HNX) công bố doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong quý 2 đạt 130,87 tỷ đồng, lũy kế 6 tháng năm 2011 đạt 238,97 tỷ đồng. LNST trong quý 2 đạt 17,4 tỷ đồng, lũy kế 6 tháng năm 2011 đạt 32,71 tỷ đồng.

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 7, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

Năm 2011, NET thông qua kế hoạch với mức tăng trưởng sản xuất 15%; mức tăng doanh thu bán hàng 20%; lợi nhuận bằng năm 2010 (81,48 tỷ đồng).

* Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền (mã NGC-HNX) công bố doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong quý 2 đạt 55,32 tỷ đồng, lũy kế 6 tháng năm 2011 đạt 92,84 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế trong quý 2 đạt 993,2 triệu đồng, lũy kế 6 tháng năm 2011 đạt 1,54 tỷ đồng. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) 6 tháng năm 2011 đạt 1.284 đồng, EPS quý 2/2011 đạt 828 đồng. Năm 2011, NGC đạt mục tiêu với sản lượng sản xuất và tiêu thụ đạt 3.000 tấn sản phẩm/năm; Kim ngạch xuất khẩu đạt 9.975.500 USD; Doanh thu tiêu thụ đạt 218 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế đạt 6, 027 tỷ đồng; cổ tức 18%/năm.

* Công ty Cổ phần Lilama 5 (LO5-HNX) công bố doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong quý 2 đạt 24,07 tỷ đồng, lũy kế 6 tháng năm 2011 đạt 27,5 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế trong quý 2 đạt 842,6 triệu đồng, lũy kế 6 tháng năm 2011 đạt 1,013 tỷ đồng. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) 6 tháng năm 2011 đạt 203 đồng, EPS quý 2/2011 đạt 169 đồng.

Năm 2011, LO5 thông qua kế hoạch với giá trị sản lượng đạt 400 tỷ đồng; doanh thu đạt 240 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 9,250 tỷ đồng, cổ tức 12%/năm.

Minh Hà - VnEconomy

Doanh nghiệp ngành chứng khoán lỗ hàng loạt

Một bức tranh với gam màu chủ đạo là xám và tối phản ánh khá chân thực kết quả kinh doanh trong 6 tháng đầu năm của khối doanh nghiệp kinh doanh ngành chứng khoán, vừa được Bộ Tài chính công bố trong tuần qua.

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô không có nhiều thuận lợi như hiện nay thì thực tế này không gây quá nhiều ngạc nhiên.

Công ty chứng khoán là khối bị ảnh hưởng nặng nhất bởi khó khăn của kinh tế vĩ mô trong 6 tháng đầu năm 2011. Theo đánh giá của Ủy ban Chứng khoán, tình hình kinh tế vĩ mô không thuận lợi nên hoạt động của các công ty chứng khoán khá ảm đạm và kết quả không được khả quan trong 6 tháng đầu năm.

Số lượng công ty chứng khoán lâm vào tình trạng thua lỗ đến thời điểm này vẫn chưa có nhiều cải thiện so với quý 1. Từ con số 20 công ty chứng khoán thua lỗ trong năm 2010, tăng lên 62/105 công ty chứng khoán lỗ trong quý I/2011 và tổng số công ty có lỗ lũy kế đến thời điểm hiện nay là 61/105 công ty.

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 7, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

Các công ty chứng khoán thì cho rằng, tình trạng kinh doanh thua lỗ của họ chủ yếu do diễn biến thị trường xấu, khiến doanh thu giảm mạnh trong khi số tiền phải chi cho dự phòng giảm giá chứng khoán tăng cao.

Trong khi đó, vẫn có một bộ phận không ít các công ty chứng khoán tranh thủ giai đoạn thị trường khó khăn lúc này để “sốc” lại hoạt động kinh doanh của mình thông qua các hoạt động tái cấu trúc về vốn, cổ đông chiến lược, nghiệp vụ kinh doanh, công nghệ, nhân sự, tổ chức.

Nhờ đó, quy mô vốn điều lệ của các công ty chứng khoán tiếp tục tăng 833 tỷ đồng so với cuối 2010, đưa tổng vốn điều lệ các công ty đến nay lên 35.045 tỷ đồng. Bên cạnh một số các công ty giảm bớt chi nhánh, phòng giao dịch thì cũng có các công ty tiếp tục mở rộng mạng lưới, khiến số lượng mạng lưới chi nhánh của công ty chứng khoán tăng thêm 24 so với cuối 2010, đưa tổng số chi nhánh lên 157, số phòng giao dịch tăng 16, đưa tổng số phòng giao dịch lên 96. Tuy nhiên, cơ quan quản lý cũng nhấn mạnh rằng các công ty chứng khoán đều đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính (vốn điều lệ, vốn khả dụng). Và Ủy ban Chứng khoán đã phân loại các nhóm công ty chứng khoán và xây dựng phương án tái cấu trúc các công ty chứng khoán theo hướng giảm số lượng các công ty, thu hẹp nghiệp vụ và ban hành hệ thống quản lý an toàn tài chính và quản trị rủi ro mới.

Cũng giống như khối chứng khoán, ngành quản lý quỹ cũng gặp khó khăn không kém.

Trong 6 tháng qua, số công ty quản lý quỹ lỗ tăng hơn so với năm 2010. Có tới 27/47 công ty quản lý quỹ bị lỗ, trong khi năm 2010 con số này là 22/47 công ty lỗ lũy kế. Trong 6 tháng đầu năm 2011 chỉ có 1 quỹ đầu tư tăng vốn với giá trị 179 tỷ đồng, giá trị tài sản ròng của các quỹ đến thời điểm cuối quý I là 11.372,8 tỷ đồng giảm 960 tỷ đồng so với cuối năm 2010.

Trước tình hình ảm đạm này, Ủy ban Chứng khoán cũng đã gửi công văn khuyến cáo 10 công ty có mức lỗ lớn (từ 30% vốn điều lệ trở lên) thận trọng trong hoạt động đầu tư, hoàn thiện và áp dụng quy trình quản trị rủi ro, xây dựng lộ trình và phương án tăng vốn nhằm bảo đảm đáp ứng các quy định mới về an toàn tài chính.

Bên cạnh đó, những điểm tích cực của thị trường không phải là không có. Đó là sự gia tăng về đăng ký của số doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết, sự gia tăng về số doanh nghiệp niêm yết trên hai sàn niêm yết và UpCOM, sự gia tăng về mức huy động vốn qua thị trường chứng khoán và cả số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

Tính đến đầu tháng 6/2011, Ủy ban Chứng khoán đã đăng ký cho 54 công ty đại chúng chưa niêm yết, nâng tổng số công ty đại chúng chưa niêm yết lên 994; có

thêm 26 công ty niêm yết. Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, có tổng cộng 1.667 công ty đại chúng, trong đó có 673 công ty đã niêm yết trên hai sở giao dịch chứng khoán, 127 công ty đăng ký giao dịch trên UPCoM.

Tổng mức huy động trên thị trường chứng khoán thông qua phát hành cổ phiếu, đấu giá cổ phần và đấu thầu trái phiếu chính phủ đạt 27,2 nghìn tỷ đồng, vốn huy động qua phát hành cổ phiếu đã giảm mạnh khoảng trên 80% và thông qua đấu giá cổ phần hoá giảm 100%.

Ủy ban Chứng khoán đã cấp giấy chứng nhận phát hành cho 54 tổ chức phát hành (giảm 49% so với cùng kỳ năm trước) với tổng mức chào bán ra công chúng là khoảng 568 triệu cổ phiếu, tương đương với hơn 5.772 tỷ đồng, tổ chức được 12 phiên đấu giá tại hai sở giao dịch chứng khoán, với tổng giá trị chào bán đạt 580 tỷ đồng, đã tổ chức được 29 đợt đấu thầu trái phiếu chính phủ với tổng giá trị trúng thầu đạt trên 22,7 nghìn tỷ đồng, tăng gấp trên 3 lần so với cùng kỳ năm trước (7 nghìn tỷ đồng).

Số lượng tài khoản nhà đầu tư cả trong và ngoài nước đều tiếp tục tăng lên. Tính đến nay, tổng cộng có 1.103.184 tài khoản (tăng trên 47 nghìn tài khoản so với cuối năm 2010), trong đó nhà đầu tư có tổ chức là hơn 4.490 nghìn tài khoản và nhà đầu tư cá nhân là 1.098.694 tài khoản.

Lan Hương - VnEconomy

Nguy cơ sáp nhập, thâm tóm đối với công ty chứng khoán

Ông Đỗ Huy Hoài - Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch Hội Đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) cho rằng thời gian tới, việc sáp nhập hoặc bị thâm tóm sẽ trở thành một xu hướng rõ nét ở các công ty chứng khoán.

Hôm nay, BSC sẽ chính thức niêm yết 86,5 triệu cổ phiếu tại HSX với mã BSI với giá tham chiếu 10.300 đồng/cổ phiếu. Đây là mức giá cao hơn khoảng 33% so với thị giá bình quân của 25 cổ phiếu công ty chứng khoán đang niêm yết trên cả hai sàn (7.700 đồng/cổ phiếu).

Số liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho thấy 6 tháng đầu năm đã có hơn 60 công ty chứng khoán thua lỗ. Thị trường xấu, bối cảnh vĩ mô khó khăn được dự đoán sẽ là nguyên nhân khiến các công ty phải cắt giảm và thu hẹp quy mô hoạt động, tiến tới sáp nhập để hiệu quả tốt hơn, hoặc bị thâm tóm. VnEconomy đã có cuộc phỏng vấn ông Đỗ Huy Hoài - Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch Hội Đồng quản trị BSC.

Lợi nhuận nửa đầu năm 2011 của BSC khá khiêm tốn và mục tiêu lợi nhuận cả năm cũng không cao, cổ tức đến 2012 cũng khá thấp. Vậy ông kỳ vọng thị trường định giá cổ phiếu BSC như thế nào khi niêm yết?

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 7, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

Theo tôi, trong điều kiện thị trường giao dịch bình thường, giá trị của một cổ phiếu thường được thị trường đánh giá sát hơn. Với bối cảnh hiện nay, giá cổ phiếu của BSC có thể sẽ chưa được thực sự đánh giá đúng với giá trị thực trong giai đoạn mới niêm yết.

Trên thực tế, việc đưa ra được một kế hoạch kinh doanh hấp dẫn với các nhà đầu tư không khó nhưng khả năng thực hiện và hoàn thành kế hoạch không chỉ phụ thuộc hoàn toàn vào quyết định chủ quan của BSC mà còn chịu sự chi phối rất lớn của yếu tố khách quan. Chúng ta đều thừa nhận rằng, với bối cảnh kinh tế vĩ mô đang diễn biến rất phức tạp, lãi suất leo thang, lạm phát chưa hình thành xu hướng giảm mạnh, thị trường chứng khoán sẽ tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Việc hoạch định một kế hoạch kinh doanh khả thi và thận trọng là cần thiết hơn với BSC. Tuy nhiên, chúng tôi luôn cam kết nỗ lực tối đa và quan tâm thường xuyên tới lợi ích của các cổ đông, đảm bảo chi phí cơ hội cho việc đầu tư vào cổ phiếu của BSC là thấp nhất.

Ông có thể cho biết cơ cấu lợi nhuận chính của BSC trong năm 2011 và dự kiến trong năm 2012?

Cơ cấu lợi nhuận chính của BSC trong năm 2011 và dự kiến trong năm 2012 sẽ tập trung vào mảng đầu tư tài chính (bao gồm cả cổ phiếu và trái phiếu), dịch vụ chứng khoán và tư vấn tài chính. Đây là ba mảng mà BSC có thế mạnh và có kinh nghiệm lâu năm. Tuy nhiên, tỷ trọng trong cơ cấu lợi nhuận năm nay và năm tới có thể thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng của hai lĩnh vực dịch vụ chứng khoán và tư vấn tài chính, và hai mảng này trở thành mũi nhọn chính đóng góp vào cơ cấu lợi nhuận trong kế hoạch kinh doanh 5 năm 2011-2015.

Lĩnh vực dịch vụ chứng khoán đang có sự cạnh tranh gay gắt. Trong bối cảnh thị trường chung rất ảm đạm, BSC lại đặt mục tiêu tăng tỉ trọng nguồn thu từ dịch vụ chứ không phải từ hoạt động đầu tư. Vậy đâu là những bước đi cụ thể để BSC giành được thị phần? BSC có dấn thân vào cuộc cạnh tranh bằng những dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư có mức độ rủi ro cao như cung cấp đòn bẩy?

Mục tiêu tăng tỉ trọng nguồn thu từ dịch vụ chứng khoán là một trong những mục tiêu chiến lược về nâng cao uy tín, chất lượng dịch vụ của BSC trên thị trường tài chính Việt Nam.

Chúng tôi không lựa chọn cách tiếp cận trực tiếp thông thường hiện nay là bằng những dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư có mức độ rủi ro cao như cung cấp đòn bẩy tài chính. Bước đi mà chúng tôi đặt trọng tâm là thường xuyên thiết kế những gói sản phẩm – dịch vụ hoàn chỉnh, phù hợp nhất với đặc điểm từng lớp nhu cầu của các nhà đầu tư, trong đó lấy chất lượng phân tích, tư vấn đầu tư làm giá trị nền tảng đi cùng với các dịch vụ gia tăng khác cho nhà đầu tư.

Ông đánh giá thế nào về mức độ cạnh tranh trong nhóm 100 công ty chứng khoán hiện nay. Liệu hoạt động sáp nhập, thậm chí là phá sản có khả năng diễn ra trên diện rộng hay không? Cơ hội cũng như rủi ro nào BSC sẽ gặp phải trong bối cảnh như vậy?

Với quy mô giá trị giao dịch trên thị trường đang thu hẹp, mức độ cạnh tranh tất yếu giữa nhóm 100 công ty chứng khoán sẽ ngày một gay gắt. Tuy nhiên, có sự phân lớp cạnh tranh giữa các nhóm công ty chứng khoán ở các lĩnh vực kinh doanh khác nhau như dịch vụ chứng khoán, môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành... để giành giật thị trường theo những thế mạnh đặc thù của từng nhóm.

Theo ý kiến cá nhân tôi, chưa thể xảy ra khả năng phát sản hàng loạt ở các công ty chứng khoán trong nửa cuối năm nay. Tuy nhiên, với bối cảnh thị trường và kinh tế vĩ mô hiện tại, cắt giảm và thu hẹp quy mô hoạt động và tiến tới sáp nhập để hiệu quả tốt hơn, hoặc bị thôn tóm sẽ trở thành một xu hướng rõ nét ở các công ty chứng khoán trong thời gian tới.

Chúng tôi cũng đối mặt với những khó khăn và thử thách chung như các công ty chứng khoán khác trên thị trường. Điểm khác khiến chúng tôi đứng vững là BSC đã có một quá trình chuẩn bị khá dài và thận trọng cho việc xây dựng các nền tảng quan trọng cho từng lĩnh vực hoạt động của mình, đặc biệt là lĩnh vực thường gây tổn thương nhất cho bất kỳ công ty nào là hoạt động đầu tư tài chính. Chúng tôi có chiến lược về cơ cấu tỷ trọng giữa chứng khoán và tiền mặt hợp lý trong từng giai đoạn và thường xuyên cơ cấu danh mục đầu tư trên nền tảng đánh giá kịp thời và chuẩn sát về các quan điểm đầu tư ngắn, trung và dài hạn. Vì vậy, đây lại chính là cơ hội cho BSC mở rộng tầm ảnh hưởng của mình.

Xin cảm ơn ông.

Nguyễn Hoàng - VnEconomy

Tháng 7: Dòng tiền khối ngoại “chảy” mạnh vào FPT

Trong khi giao dịch trên thị trường niêm yết âm ảm đạm thì khối ngoại lại có nhiều thương vụ mua bán ngoài sàn trị giá hàng chục triệu USD.

Trong tháng 7, nhà đầu tư ngoại chỉ mua ròng hơn 152 tỷ đồng trên cả HoSE và HNX – bằng 1/6 so với mức 900 tỷ đồng của tháng trước đó.

Tuy nhiên, trong tháng 6, giá trị mua ròng tăng đột biến là do khối ngoại “gom” VNM khi cổ phiếu này hở room. Riêng cổ phiếu này được mua ròng gần 790 tỷ đồng trong tháng 6.

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 7, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

Riêng HoSE, giá trị mua ròng đạt 130 tỷ đồng, chủ yếu là nhờ FPT được mua ròng tới 212 tỷ đồng.

Rất nhiều giao dịch thỏa thuận nội khối đã được thực hiện như 2,2 triệu đơn vị VNM (263 tỷ đồng), 1,47 triệu đơn vị VIC (185 tỷ đồng), IMP, BMP... Riêng FPT được mua thỏa thuận 4,54 triệu và bán thỏa thuận 2,29 triệu đơn vị.

Tính chung 7 tháng đầu năm, trên thị trường niêm yết, nhà đầu tư ngoại đã mua ròng 3.140 tỷ đồng tại HoSE và 630 tỷ đồng tại HNX.

	Mua		Bán		Chênh lệch	
	KL (triệu đv)	Giá trị (tỷ đồng)	KL (triệu đv)	Giá trị (tỷ đồng)	KL (triệu đv)	Giá trị (tỷ đồng)
Tháng 7	46.9	1,814	49.1	1,684	-2.2	130
Quý 2	190.9	7,145	181.2	5,579	9.6	1,566
Tháng 6	73.5	3,027	90.6	2,234	-17.1	793
Tháng 5	64.3	2,184	56.9	2,196	7.5	(11)
Tháng 4	53.0	1,935	33.8	1,150	19.3	785
Quý 1	224.3	7,535	175.3	6,090	48.9	1,445
Tháng 3	85.6	2,701	83.5	2,680	2.1	21
Tháng 2	50.7	1,732	49.7	1,734	1.0	(2)
Tháng 1	88.0	3,102	42.2	1,676	45.8	1,426

Giao dịch của khối ngoại tại HoSE qua các tháng từ đầu năm 2011

Tâm điểm FPT

Phía mua ròng, dẫn đầu là FPT với hơn 4 triệu đơn vị, tương đương 212 tỷ đồng.

Nhờ lực cầu ngoại mà cổ phiếu này đã tăng 20% trong tháng 7, lên 57.500 đồng.

Tính chung 6 tháng đầu năm, khối ngoại bỏ ra 350 tỷ đồng để mua ròng 6,8 triệu đơn vị FPT; trong đó, lượng mua vào là 29,4 triệu và bán ra là 22,6 triệu đơn vị.

Hiện tại, khối ngoại đã sở nắm giữ hơn 48% số cổ phiếu FPT và lượng còn được mua là hơn 2 triệu cổ phiếu.

Một số cổ đông lớn nước ngoài của FPT là Red River Holdings (5,75%), Deutsche Bank (5%)...

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 7, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

Mã CK	KL mua (Nghìn đv)	KL bán (Nghìn đv)	Chênh lệch		Mã CK	KL mua (Nghìn đv)	KL bán (Nghìn đv)	Chênh lệch	
			Khối lượng (Nghìn đv)	Giá trị (tỷ đồng)				Khối lượng (Nghìn đv)	Giá trị (tỷ đồng)
FPT	8,220	4,218	4,003	212.3	BVH	293	828	-535	-38.7
VCB	2,742	1,134	1,608	45.2	CII	187	2091	-1904	-36.8
REE	3,165	643	2,522	29.0	VIC	2600	2916	-316	-35.9
DPR	543	49	494	27.3	SSC	11	1464	-1454	-29.2
TRA	572	0	572	26.3	KBC	231	2126	-1895	-27.6
ITC	1,959	110	1,849	24.5	STB	47	1898	-1851	-24.7
HPG	1,454	687	766	22.8	PVF	180	1670	-1490	-23.8
EVE	349	0	349	10.8	SSI	857	1883	-1026	-18.0
VCS	413	0	413	9.6	CTG	734	1399	-665	-17.3
SBT	2,169	1,379	789	9.4	ABT	1	357	-356	-13.3

Các cổ phiếu được mua/bán ròng nhiều nhất trong tháng 7

Các mã khác được mua ròng nhiều có VCB (1,6 triệu đơn vị - 45 tỷ), REE (643 nghìn đơn vị - 29 tỷ), DPR, TRA, ITC...

VCS là mã duy nhất trên sàn HNX lọt vào top 10 mua ròng với 413 nghìn đơn vị, tương đương 9,6 tỷ đồng.

Phía bán ròng, không có mã nào bị bán ròng quá 50 tỷ đồng. Tuy vậy, điểm đáng chú ý là những mã bị bán ròng nhiều nhất đều là những cổ phiếu lớn như BVH (39 tỷ), VIC (36 tỷ), STB (25 tỷ), PVF, SSI, KBC...

Mua bán ngoài sàn: Thêm nhiều thương vụ lớn

Thương vụ đình đám nhất được công bố trong tháng 7 là CJ CGV – công ty điện ảnh Hàn Quốc – thông báo chi 73,6 triệu USD để mua lại 92% cổ phần của Envoy Media Partners.

Envoy Media Partners là công ty nắm 80% cổ phần của cụm rạp chiếu phim Megastar.

Hoàng Anh Gia Lai (HAG) đã hoàn tất phát hành 55 triệu USD (~1.130 tỷ đồng) trái phiếu hoán đổi cho Temasek. Số trái phiếu này khi đáo hạn có thể hoán đổi lấy cổ phần của công ty Cao su HAGL. Tháng 8/2010, Temasek cũng chi ra 50 triệu USD mua trái phiếu chuyển đổi của HAG.

HAG cho biết công ty có kế hoạch huy động thêm 120 triệu USD vào lĩnh vực cao su từ 2 nhà đầu tư nước ngoài khác.

Một thương vụ đáng chú ý khác là CTCP Truyền thông VMG – một công ty hoạt động trong lĩnh vực nội dung số - thông báo sẽ phát hành 1,6 triệu cổ phiếu với giá 150.000 đồng/cp (tương ứng giá trị phát hành là 240 tỷ đồng) cho hãng viễn thông Nhật Bản NTT Docomo.

Đây là 1 trong 3 thương vụ mua bán cổ phần có giá “ngắt ngưỡng” từ đầu năm đến nay cùng.

Halico và Masan Consumer đều được nhà đầu tư ngoại đưa ra mức giá hơn 11 USD/cp.

Ngày 2/8, hãng Bloomberg đưa tin hãng Fortis Healthcare (Ấn Độ) đang tiến hành các cuộc đối thoại để mua cổ phần kiểm soát tại Tập đoàn y khoa Hoàn Mỹ.

Theo đó, các cổ đông của Hoàn Mỹ có kế hoạch bán khoảng hơn 50% cổ phần của tập đoàn trong thỏa thuận định giá của Hoàn Mỹ ước khoảng 100 triệu USD.

Cuối năm 2009, Quỹ DWS Vietnam Fund thuộc Deutsche Bank và Quỹ VOF thuộc VinaCapital, mỗi quỹ đầu tư 10 triệu USD vào Hoàn Mỹ để nắm giữ 40% số cổ phần, tương ứng với mức định giá công ty là 50 triệu USD.

*** CÁC VẤN ĐỀ VỀ TÀI CHÍNH CÔNG**

“Giật mình” với số liệu thu, chi ngân sách

Trái ngược với những khó khăn các doanh nghiệp gặp phải và chủ trương thắt chặt chính sách tài khóa, kết quả thu-chi ngân sách cho đến thời điểm này đều là các con số lớn bất thường.

Theo tài liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố chính thức tại buổi họp báo Chính phủ tháng 7, vừa diễn ra chiều 24/7, lũy kế 7 tháng năm 2011, tổng thu ngân sách nhà nước ước đạt 386,76 nghìn tỷ đồng, bằng 65% dự toán năm.

Mới qua 7 tháng, tỷ lệ thực hiện như trên là khá cao, đặc biệt là khi so với các con số tương ứng do Tổng cục Thống kê công bố, cùng kỳ năm ngoái là 57,5%; hay năm kia là 50,9%...

Vậy chủ trương tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, cho các hộ kinh doanh đã được thực hiện như thế nào từ đầu năm đến nay?

Cuối tháng trước, Tổng cục Thống kê công bố hai con số quan trọng là GDP theo giá thực tế đạt xấp xỉ 1.070 nghìn tỷ đồng; và thu ngân sách là 301,3 nghìn tỷ đồng. Như vậy, tỷ lệ thu ngân sách so với GDP vào khoảng 28,1%, mức rất cao so một số năm trước. Nhưng với con số thu tăng mạnh trong tháng này và tăng trưởng không có vẻ gì là đột biến, tỷ lệ trên chưa biết hiện đã tới mức nào.

Có lẽ, các doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh đã không quá khó khăn như lâu nay vẫn được báo chí nhắc nhở? Hay quan điểm “khoan sức dân” vẫn còn những điểm không đồng thuận trong quá trình thực thi ngân sách?

Còn một con số khác khá là khó lý giải. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng, mức thu ngân sách trong 7 tháng năm nay đã tăng 21% so với cùng kỳ năm trước. Nhưng nếu áp vào con số cũng được bộ này công bố hôm 4/8/2010, tại cuộc họp báo Chính phủ đúng một năm trước, kết quả có thể gấp tới hai lần tỷ lệ trên. Cụ thể là vào năm ngoái, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết, tính đến ngày 15/7/2010, tổng thu ngân sách nhà nước ước đạt 265,1 nghìn tỷ đồng. Như vậy, phải chăng con số của năm nay đã

tăng quanh mức 45,9% so với cùng kỳ năm ngoái? Hay con số của Bộ đã trừ yếu tố tăng giá, một kiểu số liệu mới được sử dụng cho năm nay?

Tóm lại, mức tăng trên tỏ ra không mấy hợp lý trong bối cảnh doanh nghiệp khó khăn, tình hình sản xuất trong nước tăng trưởng chậm mà thực tế GDP 6 tháng đầu năm nay đã được công bố với mức tăng thấp hơn so với cùng kỳ năm ngoái. Về phía chi ngân sách nhà nước, các số liệu cũng cho thấy không có thay đổi đáng kể nào sau loạt chính sách cắt giảm đầu tư công và chủ trương thực hiện quyết liệt của Chính phủ.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng chi ngân sách nhà nước 7 tháng năm 2011 ước đạt 420,33 nghìn tỷ đồng. Nếu so sánh với con số chi ngân sách 6 tháng năm 2011 được Tổng cục Thống kê công bố là 331,5 nghìn tỷ đồng, trong một tháng qua tốc độ thực hiện các nhiệm vụ chi có thể coi là một trong những giai đoạn đạt kỷ lục, với khoảng 88,83 nghìn tỷ đồng được giải ngân.

Hay so với con số của cùng kỳ năm ngoái, khoảng 299 nghìn tỷ đồng trong công bố chính thức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hôm 4/8/2010, tốc độ tăng chi của 7 tháng vừa qua là gần 40,6%.

Về con số so với dự toán bằng 57,9%, nếu áp vào mức thực hiện của các năm trước cũng cao hơn khá nhiều. Cụ thể là nếu lấy số liệu của Tổng cục Thống kê, chi ngân sách tính từ đầu năm đến 15/7/2010 mới bằng 51,3% dự toán năm; 2009 tương ứng bằng 49%...

Xem ra, câu nhận xét của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại báo cáo vừa công bố, rằng “công tác điều hành chính sách tài khóa đã quán triệt nghiêm túc chủ trương thắt chặt chi tiêu, giảm bội chi ngân sách nhà nước” có lẽ còn nhiều điểm phải xem xét, nếu chỉ nhìn vào các con số vừa nêu.

Nhưng với con số quan trọng nhất - bội chi ngân sách - lại cho thấy diễn biến khá tích cực. Theo tổng hợp số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bội chi ngân sách Nhà nước 7 tháng năm 2011 vào khoảng 33,57 nghìn tỷ đồng, mới bằng khoảng 27,8% dự toán cả năm. Đặc biệt là so với cùng kỳ năm trước, con số này thậm chí giảm khoảng 1% (so với khoảng 33,9 nghìn tỷ đồng).

Tất nhiên, các số liệu trên đều là ước tính, do các cơ quan liên quan không công bố số liệu thực hiện, nên việc sử dụng trong các so sánh có thể không hoàn toàn chính xác về mặt con số.

Nhưng giả sử số thực hiện trên thực tế khác quá xa con số vẫn công bố trong báo cáo hàng tháng của bộ này, ngành kia như vừa dẫn, thì định hướng chính sách điều hành được đưa ra sau những báo cáo kể trên, có lẽ cũng sẽ cần thận trọng hơn.

Anh Quân - Vneconomy

7 tháng đầu năm 2011, tổng thu ngân sách đạt 386.760 tỷ đồng

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, tổng thu ngân sách Nhà nước (NSNN) tháng 7 đạt 51.510 tỷ đồng, tăng hơn 4.770 tỷ đồng so với cùng kỳ tháng 6, nâng tổng mức thu của 7 tháng đầu năm lên 386.760 tỷ đồng, bằng 65% so với dự toán và tăng 21% so với cùng kỳ năm 2010.

Trong đó, thu nội địa tăng hơn so với tháng 6 khoảng 7.000 tỷ đồng, ước đạt 62,3% dự toán, với 9/14 khoản thu đạt xấp xỉ 60% dự toán trở lên. Nguyên nhân số thu nội địa tăng so với tháng trước vì tháng 7 là thời điểm các doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của quý II/2011, cùng với đó là 5.000 tỷ số thuế phát sinh tăng thêm và khoản nộp chênh lệch thu-chi ngân hàng quý II/2011 khoảng 3.200 tỷ đồng của Ngân hàng Nhà nước. Tuy nhiên, do tình hình kinh tế chung còn đang khó khăn nên ngoài những khoản tăng thêm đã nêu thì hầu hết các khoản thu nội địa còn lại đều có xu hướng giảm; thu dầu thô ước đạt 82,4% dự toán; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 63,8% dự toán.

Chi ngân sách tháng 7 ước thực hiện 58.630 tỷ đồng, lũy kế chi 7 tháng đầu năm lên 420.330 tỷ đồng, đạt 57,9% dự toán năm và tăng 20,2% so với cùng kỳ năm 2010. Trong đó, chi đầu tư phát triển tháng 7 đạt 11.200 tỷ đồng, lũy kế chi 7 tháng ước đạt 89.377 tỷ đồng, bằng 58,8% dự toán; Chi trả nợ viện trợ trong tháng 7 ước 7.890 tỷ đồng, lũy kế chi 7 tháng đạt 54.790 tỷ đồng bằng 63,7% dự toán, đảm bảo thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ đã cam kết, không để tác động xấu đến kinh tế vĩ mô; chi phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý Nhà nước (gồm cả chi cải cách tiền lương) thực hiện tháng 7 ước 39.530 tỷ đồng, lũy kế chi 7 tháng đạt 276.163 tỷ đồng, bằng 58,9% dự toán.

Bội chi NSNN tháng 7 ước đạt 7.120 tỷ đồng; lũy kế 7 tháng là 33.570 tỷ đồng, bằng 27,8% mức bội chi cả năm Quốc hội quyết định và được bù đắp bằng các nguồn vay trong nước và nước ngoài quy định .

Việc phát hành trái phiếu Chính phủ huy động vốn trong nước cho bù đắp bội chi NSNN và cho đầu tư các công trình giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế, ký túc xá sinh viên trong tháng 7/2011 tiếp tục có chuyển biến. Đến ngày 20/7/2011 đã thực hiện huy động được 46.815 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ, bằng khoảng 55% nhiệm vụ huy động trái phiếu Chính phủ cả năm.

Nguồn: MOF

Đề nghị miễn, giảm thuế: “Còn cách nào khác không?”

Dù không nhận được sự đồng tình cao từ Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội, song Bộ trưởng Bộ Tài chính Vũ Văn Ninh vẫn kiên nhẫn đề nghị miễn thuế thu nhập cá nhân liên quan đến đầu tư chứng khoán.

Cho ý kiến về một số giải pháp về thuế của Chính phủ nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân tại phiên họp sáng 13/7, đa số ý kiến tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội tán thành với nhiều đề xuất của Chính phủ. Tuy nhiên, vẫn còn không ít băn khoăn.

“Tôi thấy chưa yên tâm”

Nhận xét rằng báo cáo thẩm tra của Ủy ban Tài chính - Ngân sách “thực chất là không tán thành”, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Nguyễn Văn Thuận cho rằng giải pháp giảm thuế cho doanh nghiệp là “không đúng bệnh”. Vì, khó khăn lớn nhất của doanh nghiệp là vốn, mà lãi suất rất cao là vấn đề bức xúc nhưng không giải quyết được.

“Tôi thấy chưa yên tâm, còn cách nào khác hơn không, chứ cách này chưa trúng vấn đề”, ông Thuận nói.

Chủ nhiệm Thuận cũng chia sẻ với cơ quan thẩm tra nỗi quan ngại về hụt thu ngân sách từ chính sách này, trong khi chưa rõ phương án bù đắp.

Năm 2011 sẽ hụt trên 11 nghìn tỷ đồng, con số này rất lớn, lấy gì để bù đắp phải báo cáo rất rõ với Quốc hội, nên tính toán kỹ cả hai mặt được và mất của chính sách để nghĩ ra giải pháp tốt hơn, Chủ nhiệm Thuận đề nghị.

Tiếp cận từ quy định của pháp luật về thẩm quyền quyết định trong chính sách thuế, Phó chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Trần Đình Long Long phân tích, việc miễn, giảm đồng loạt không phù hợp với pháp luật thuế hiện nay.

Thuế được miễn “không lớn”

Khá nhiều nội dung cụ thể trong đề xuất của Chính phủ cũng chưa nhận được sự đồng tình cao của cơ quan thẩm tra và một số ý kiến thảo luận, trong đó có việc miễn thuế cho một số trường hợp liên quan đến đầu tư chứng khoán.

Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội không tán thành miễn toàn bộ thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân (không thu thuế 20% trên thu nhập hoặc 0,1% trên tổng giá trị chuyển nhượng) từ 1/8 năm nay đến hết năm 2012 như đề nghị của Chính phủ.

Việc miễn thuế đối với cổ tức được chia từ đầu tư vào thị trường chứng khoán và góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp để đảm bảo bình đẳng với thu nhập từ lãi tiền gửi tiết kiệm cũng chưa thuyết phục được cơ quan thẩm tra.

Tuy nhiên, Bộ trưởng Bộ Tài chính Vũ Văn Ninh vẫn kiên nhẫn. Ông giải thích, cổ tức và lãi từ tiền gửi tiết kiệm là tương đồng, và cổ tức là tiền có được do đầu tư “thì còn khó hơn nên đề nghị cho miễn”. Số thuế này, theo Bộ trưởng “thực ra là không lớn”.

Riêng với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán, theo Bộ trưởng Ninh cách làm hiện nay cơ bản tính theo 0,1% trên tổng giá trị chuyển nhượng nên thực tế là lỗi vẫn bị đánh thuế. Việc cứ có giao dịch là đánh thuế, theo giải thích của ông Ninh, là bất hợp lý.

Trong khi, thực tế thị trường chứng khoán từ năm 2009 đến nay chỉ số VN-Index luôn giảm điểm (ngày 31/12/2009 là 495,36 điểm, đến 31/12/2010 còn 486,66 điểm; trong 6 tháng đầu năm 2011, chỉ số Vn-Index giảm khoảng 53 điểm - từ 485,72 điểm trong phiên giao dịch đầu năm xuống còn 432,54 điểm vào ngày 30/6/2011, tương đương giảm gần 11%), xét trên bình diện tổng thể, nhà đầu tư hầu như không có thu nhập, thậm chí lỗ.

Vì vậy, “không phải chỉ miễn cho năm nay mà còn miễn đến hết sang năm, khi Chính phủ dự kiến trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Thuế thu nhập cá nhân”, ông Ninh đề nghị.

Riêng với thuế thu nhập từ tiền công, tiền lương, trước phân tích “chỉ mang tính động viên” của nhiều ý kiến, vị “tư lệnh” ngành tài chính ngập ngừng: “Tùy Thường vụ quyết định”.

Ông Ninh cũng cho biết sẽ trình ra Quốc hội phương án thu để bù đắp ngân sách chi tiết hơn.

Nhấn mạnh là Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ xem xét việc chuẩn bị của các cơ quan chức năng, còn thẩm quyền quyết định miễn, giảm thuế là của Quốc hội, Phó chủ tịch Nguyễn Đức Kiên đề nghị cơ quan trình và cơ quan thẩm tra tiếp tục cân nhắc, hoàn chỉnh báo cáo để trình Quốc hội tại kỳ họp tới.

Nguyễn Vũ - Vneconomy

Thuế bảo vệ môi trường của xăng dầu có thể bằng phí hiện hành

Tờ trình về dự án nghị quyết ban hành biểu thuế bảo vệ môi trường đã được Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp thứ 42, sáng 13/7.

Đây là việc làm nhằm triển khai thi hành Luật Thuế bảo vệ môi trường sẽ có hiệu lực từ ngày 1/1/2012.

Theo luật thuế mới này, đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường gồm: xăng, dầu, mỡ nhờn; than đá; dung dịch HCFC; túi nilông thuộc diện chịu thuế; thuốc diệt cỏ, thuốc trừ mối, thuốc bảo quản lâm sản và thuốc khử trùng kho thuộc loại hạn chế sử dụng.

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 7, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

Bảo vệ môi trường là loại thuế mới được áp dụng, vì vậy mức thu cho từng hàng hóa chịu thuế được xây dựng đảm bảo không gây tác động lớn đến sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội, có thời gian nhất định để tạo thói quen của người nộp thuế, Bộ trưởng Bộ Tài chính Vũ Văn Ninh giải thích.

Theo đó, nhiều mặt hàng được áp thuế ở mức sàn của khung. Riêng với xăng, dầu, mỡ nhờn (gồm: xăng, nhiên liệu bay, dầu diesel, dầu hỏa, dầu mazut, dầu nhờn, mỡ nhờn) hiện đang chịu phí xăng dầu, khi Luật Thuế bảo vệ môi trường có hiệu lực sẽ không thu phí mà chuyển sang thu thuế với mức bằng mức phí hiện hành.

Cụ thể, xăng, nhiên liệu bay có mức 1.000 đồng/lít, dầu diesel 500 đồng/lít; dầu hỏa, dầu mazut, dầu nhờn là 300 đồng/lít; mỡ nhờn 300 đồng/kg.

Việc “giữ nguyên” được Chính phủ giải thích là để “ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp, không gây tác động lớn đến sản xuất và đời sống xã hội”. Trong bối cảnh của năm 2011 kinh tế vĩ mô còn nhiều yếu tố biến động, giá xăng dầu biến động khó lường và đang ở mức cao, nguy cơ lạm phát cao còn tiềm ẩn, cùng với việc tiếp tục thực hiện dần cơ chế giá thị trường đối với than, xăng dầu.

Đa số ý kiến trong Ủy ban Tài chính – Ngân sách đồng tình với mức thuế này.

Song, đối với than đá, một số ý kiến trong Ủy ban Tài chính và Ngân sách đề nghị điều chỉnh mức thuế theo hướng tăng hơn so với dự thảo từ 5.000đồng đến 10.000 đồng /tấn, thay vì áp dụng theo mức sàn của khung thuế (từ 10 – 20 nghìn đồng/tấn tùy loại).

Với lý do, than là sản phẩm gây ô nhiễm nặng cho môi trường, phạm vi sử dụng than hiện nay là khá phổ biến với khối lượng gần 30 triệu tấn/năm. Ngoài ra, việc khai thác bừa bãi than đã hủy hoại môi trường, dẫn đến tài nguyên này ngày một cạn kiệt, gần đây nhiều doanh nghiệp đã phải nhập khẩu than với khối lượng lớn.

Được cơ quan thẩm tra cho là hợp lý là mức thuế suất đối với mặt hàng túi nhựa xốp (túi ni lông) 40.000đồng/kg (khung thuế suất là 30.000-50.000đồng/kg). Mức thu này bằng khoảng 130% giá bán hiện hành của loại túi này.

Với các hàng hóa còn lại, Chính phủ đề nghị quy định ở mức sàn của khung thuế và được cơ quan thẩm tra cho là hợp lý trong điều kiện hiện nay. Còn về lâu dài cần xem xét điều chỉnh xem xét điều chỉnh tương ứng với mức độ độc hại.

Tuy nhiên, tại cuộc họp, có ý kiến cho rằng nếu chỉ điều chỉnh theo mức độ độc hại thì không đủ, vì mọi thứ thuế đều ảnh hưởng qua giá, và đều "đổ vào dân cả".

Do còn có những ý kiến, đề nghị khác nhau nên dự thảo Nghị quyết ban hành Biểu thuế bảo vệ môi trường dự kiến sẽ được Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiếp tục xem xét thông qua vào buổi họp sáng mai (14/7).

Nguyễn Lê - Vneconomy

Hiệp hội Kinh doanh vàng phản đối tăng thuế suất vàng

Hiệp hội Kinh doanh vàng Việt Nam vừa gửi công văn lên Bộ Tài chính, phản đối chủ trương tăng thuế đánh vào vàng nữ trang xuất khẩu lên 10%. Theo hiệp hội này, việc tăng thuế sẽ gây tổn kém cho doanh nghiệp, đồng thời có thể khuyến khích hoạt động xuất lậu vàng.

Theo quy định hiện tại của Bộ Tài chính về thuế xuất khẩu vàng, vàng nguyên liệu có hàm lượng dưới 99,99%, vàng trang sức và mỹ nghệ với trọng lượng trên 1 ounce và có hàm lượng vàng trên 99% phải chịu thuế suất xuất khẩu là 10%, các loại khác được hưởng mức thuế 0%.

Do có những ý kiến lo ngại tình trạng các doanh nghiệp ồ ạt xuất khẩu vàng nguyên liệu nhưng “biến tướng” dưới dạng nữ trang thô, Bộ Tài chính đưa ra chủ trương các sản phẩm nữ trang có khối lượng trên 1 ounce và hàm lượng vàng trên 80% sẽ bị đánh thuế xuất khẩu 10%. Như vậy, để hưởng mức thuế suất 0%, các doanh nghiệp xuất vàng chỉ còn “nước” là hạ tuổi vàng xuống dưới 80%.

Trong công văn trả lời Bộ Tài chính ngày 26/7, Hiệp hội Kinh doanh vàng cho rằng, hoạt động xuất khẩu vàng có nhiều tác dụng đối với nền kinh tế như thu hút lượng vàng trong dân, góp phần tạo thế cân bằng thương mại và giảm áp lực tỷ giá, hạn chế hoạt động xuất lậu vàng...

Trên thực tế, theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, kim ngạch nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm đã đạt khoảng 2 tỷ USD. Trong đó, riêng từ giữa tháng 5 đến nay, Việt Nam đã xuất khẩu khoảng 1,8 tỷ USD nhóm hàng này, góp phần quan trọng giảm nhập siêu.

Trong nửa đầu tháng 7, hoạt động xuất khẩu vàng diễn ra đặc biệt mạnh khi giá vàng trong nước và thế giới cùng lập kỷ lục, người dân ồ ạt bán vàng và giá vàng trong nước thấp hơn giá quốc tế 400.000 - 500.000 đồng/lượng. Theo một lãnh đạo doanh nghiệp kim hoàn phía Nam, mức chênh lệch này có thể đem về khoản lợi 90.000 đồng/lượng vàng xuất khẩu.

Hiệp hội Kinh doanh vàng khẳng định, một khi tương quan giá vàng trong nước và quốc tế tạo điều kiện và thị trường có cung-cầu, thì hoạt động xuất vàng kiểu gì cũng

diễn ra ra, cho dù cơ quan chức năng có kiểm soát đến đâu. “Thực chất của vấn đề là một khi do cung cầu của thị trường và khi giá trong nước thấp hơn giá quốc tế thì cơ hội xuất khẩu vàng dưới mọi hình thức sẽ xảy ra, nếu không xuất khẩu được theo con đường chính thức, thì xuất khẩu lậu vàng khó tránh khỏi”, công văn có đoạn viết.

Nếu được thực hiện, đây sẽ là lần thứ hai Bộ Tài chính điều chỉnh khung tuổi vàng để áp thuế xuất khẩu. Tuy nhiên, theo Hiệp hội Kinh doanh vàng, nếu chênh lệch giá trong nước và giá quốc tế vẫn có lợi, thì doanh nghiệp sẽ sẵn sàng hạ tuổi vàng xuống dưới 80% theo quy định của cơ quan quản lý để có thể xuất khẩu. “Nếu như vậy, liệu quý Bộ có tiếp tục theo đuổi giải pháp này không?”, Hiệp hội đặt câu hỏi.

Bên cạnh đó, Hiệp hội cho biết, việc các doanh nghiệp cố hạ tuổi vàng để được xuất khẩu cho phù hợp với quy định sẽ chỉ dẫn tới hậu quả là đẩy chi phí tăng cao, hao hụt lớn trong sản xuất và gây tổn kém của cải cho xã hội một cách vô ích.

Kiều Oanh - Vneconomy

*** CÁC VẤN ĐỀ VỀ TỶ GIÁ**

Tỷ giá: Sóng cồn từ hai phía

Dư nợ ngoại tệ tăng cao khiến cân đối nguồn ngoại tệ có vấn đề, vàng tiếp tục “chảy máu” là những nhân tố gây bất ổn thị trường ngoại tệ trong thời gian tới.

Thế nhưng, hiện nhà quản lý vẫn chưa có động thái đáng kể nào để ngăn những mối lo nhãn tiền này.

Chóng mặt với dư nợ ngoại tệ

Theo báo cáo mới nhất của Chính phủ trình Quốc hội, từ đầu năm đến nay, Ngân hàng Nhà nước đã mua vào 4 tỷ USD. Tất nhiên con số này đang cải thiện đáng kể dự trữ ngoại hối hiện có, nhưng có vẻ như chúng đang phủ mờ lên khá nhiều nhân tố bất ổn tiềm ẩn mà đầu tiên là vấn đề thanh khoản ngoại tệ.

Theo tìm hiểu của người viết, từ đầu năm đến nay, tốc độ tăng dư nợ ngoại tệ luôn cao hơn tốc độ tăng dư nợ VND.

Tháng 1/2011 so với tháng 12/2010, dư nợ USD của hệ thống ngân hàng đạt 25,393 triệu USD, tăng 2,11% so với tháng 12/2010 trong khi tín dụng VND chỉ tăng 1,06%. Khối ngân hàng thương mại cổ phần có mức tăng dư nợ USD cao nhất với 3,39% và đứng sau đó là khối ngân hàng thương mại nhà nước tăng 1,39%.

Trong tháng 2/2011, dư nợ USD đạt 25,74 triệu USD, tốc độ tăng chững lại một chút so với tháng trước, ở mức 1,42% so với 2,11%, trung bình tăng 1,77%/tháng; trong khi tín dụng VND chỉ tăng 0,16%.

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 7, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

Bóc tách từng khối và so sánh với tháng trước, thấy rằng, nếu tháng 1/2011, khối cổ phần và nhà nước tăng cao nhất thì ở tháng 2, khối tổ chức tín dụng phi ngân hàng độc chiếm ngôi đầu với mức tăng 3,91%. Tiếp đó, khối nước ngoài tăng 1,83%; khối cổ phần tăng 1,56%; khối nhà nước tăng 0,45% và chỉ có khối liên doanh giảm 1%.

Ở tháng 3/2011, trong khi dư nợ VND toàn hệ thống tăng 0,16% thì dư nợ USD tăng 0,42%.

So tháng 4/2011 với tháng 3/2011, dư nợ VND toàn hệ thống chỉ tăng 1,02%, còn dư nợ USD toàn hệ thống đạt 26,76 tỷ USD, tăng 2,82%, đạt mức tăng cao nhất trong 4 tháng đầu năm, bình quân mỗi tháng tăng 1,86%.

Trong đó, khối cổ phần đạt dư nợ 13.548 triệu USD, chiếm 50,62% dư nợ ngoại tệ toàn hệ thống; tăng 4,47% so với tháng 3/2011 và tăng 12,86% so với tháng 12/2010!

Còn khối ngân hàng nước ngoài tăng 1,71%; khối ngân hàng thương mại Nhà nước tăng 0,95%; khối liên doanh tăng 0,27%., duy nhất khối tổ chức tín dụng phi ngân hàng giảm 0,59%. Cũng trong 4 tháng đầu năm, bình quân mỗi tháng, tín dụng ngoại tệ tăng 1,86%.

Đến tháng 5/2011, đà tăng dư nợ ngoại tệ vẫn chưa chịu dừng lại. Chỉ tính riêng khối ngân hàng thương mại cổ phần, dư nợ USD đạt 14 tỷ USD, chiếm 51% dư nợ cho vay ngoại tệ toàn hệ thống.

Tốc độ tăng dư nợ USD của khối này ở tháng 5 tăng 5,56% so với tháng 4/2011 và tăng 19,14% so với tháng 12/2010. Và trong khi tính bình quân 5 tháng đầu năm, dư nợ ngoại tệ toàn hệ thống chỉ tăng 2,28%/tháng thì tốc độ này của khối cổ phần lên tới 3,52%/tháng.

Tháng 6 thì sao? Ngân hàng Nhà nước cho biết, tính đến 10/6, tín dụng VND chỉ tăng 2,72% còn tín dụng ngoại tệ tăng 22,21%. Tính riêng địa bàn Hà Nội thì đến 30/6, dư nợ quy đổi của tất cả các tổ chức tín dụng tại đây ước đạt 555.280 tỷ đồng, tăng 0,94% so với cuối tháng 5/2011, tăng gần 8,9% so với cuối 2010 và tăng 27,7% so với cùng kỳ 2010.

Đặc biệt, mặc dù tốc độ tăng dư nợ VND chỉ 5,2% thì dư nợ ngoại tệ tăng tới 17,25%.

Hiểm họa vay trước trả sau

Giải thích câu chuyện dư nợ USD tăng vọt từ đầu năm đến nay, nhiều cán bộ kinh doanh ngoại tệ từ các ngân hàng khẳng định: chênh lệch lãi suất “đô - đồng” là nguyên nhân căn bản.

Theo đó, so sánh lãi vay VND cho sản xuất kinh doanh trên 21%/năm, vay phi sản xuất từ 22% - 25%/năm; còn lãi vay USD khoảng 6% - 7,5%/năm, nếu kể cả trượt giá thêm vài phần trăm trong năm nay thì giá vốn vay USD cũng chỉ dưới 10%/năm, rẻ hơn vay VND ít nhất 10%/năm. “Như thế, có ai lại không vay ngoại tệ?”, cán bộ một ngân hàng nói.

Qua tìm hiểu, đối tượng vay ngoại tệ thường có hai dạng: doanh nghiệp xuất khẩu vay ngoại tệ bán ngay cho ngân hàng lấy VND thu mua hàng hóa trong nước để xuất khẩu. Đối tượng thứ hai là doanh nghiệp không thuộc diện trên nhưng bằng cách nào đó, họ có được những bộ chứng từ đáp ứng đủ điều kiện vay ngoại tệ.

Sau vay, họ bán ngoại tệ cho ngân hàng thu tiền đồng về và dù để kinh doanh hay gửi ngược vào ngân hàng với mức 17% - 18%, vẫn được lợi ít nhất 7% - 8%/năm.

Một vấn đề đặt ra, người vay có sợ rủi ro tỷ giá không? Từ đầu 2011, Ngân hàng Nhà nước đã phá giá VND tới 9,3%. Nhiều năm gần đây, mức độ mất giá của VND so với USD chỉ trên dưới 10%/năm. Vì thế, người vay có thể “đoán” rằng, rất khó để Ngân hàng Nhà nước đánh tụt giá VND quá mức này, thậm chí, giá VND giảm thêm vài ba phần trăm thì vẫn lãi. Đó là động lực của “trò chơi tiền tệ” mà không cần phải quá mạo hiểm.

Nhiều chuyên gia nhận xét rằng, có vẻ như vòng luẩn quẩn của 2010 đang lặp lại. Theo đó, khi những khoản vay này đến kỳ trả nợ và thường là trùng với thời điểm thanh toán cuối năm (từ cuối quý 3 trở đi), sẽ phát sinh lực cầu USD rất lớn, gây áp lực lên tỷ giá.

Minh chứng cho quan điểm này, một chuyên gia phân tích: gần đây, trên thị trường bắt đầu xuất hiện hành vi “lách trần lãi suất tiền gửi ngoại tệ”. Lý do là khi tốc độ cho vay ngoại tệ tăng nhanh hơn tốc độ huy động thì thanh khoản ngoại tệ sẽ khó khăn, các ngân hàng lâm vào tình trạng mất cân đối nguồn.

Lúc đó, cạnh tranh sẽ gay gắt hơn và “miếng võ” lãi suất sẽ được giở ra đầu tiên. Trong điều kiện Ngân hàng Nhà nước khống chế lãi suất tiền gửi ngoại tệ (theo Thông tư 09) đối với dân cư ở mức 3%/năm thì sẽ nảy sinh hiện tượng “lách trần” như đối với với lãi suất VND lâu nay.

Tuy nhiên, một sự khác biệt và rất nguy hiểm ở đây là nếu thiếu VND, Ngân hàng Nhà nước có thể điều tiết trực tiếp bằng cách bơm tiền qua các kênh tái cấp vốn hay OMO, nhưng với USD, Ngân hàng Nhà nước rất khó xoay sở.

Lý do là thiếu công cụ điều tiết lượng USD trên thị trường, ngoại trừ dự trữ bắt buộc và một vài công cụ rời rạc khác. Trong trường hợp cực chẳng đã, Ngân hàng Nhà nước phải bán ngoại tệ ra nhưng bán bao nhiêu cho đủ?

Bài học năm 2009 và hai tháng đầu 2010 cho thấy: Ngân hàng Nhà nước càng bán ra, thị trường càng kỳ vọng tăng giá, dẫn đến gia tăng hành vi găm giữ, làm cho thị trường thiếu ngoại tệ và dồn nén áp lực lên tỷ giá, buộc Ngân hàng Nhà nước phải phá giá VND.

Cầm vàng, sao để vàng rơi?

Trong câu chuyện tỷ giá ngày hôm nay, không thể không nhắc tới vấn đề tái xuất vàng.

Theo Tổng cục Thống kê, trong 6 tháng đầu năm, Việt Nam đã xuất khẩu một lượng đá quý, kim loại quý mà chủ yếu là vàng lên tới 1,027 tỷ USD và con số này tiếp tục được gia tăng trong tháng 7/2011.

Đối với Việt Nam, vàng là nhân tố ảnh hưởng tương đối nhiều đến tỷ giá vì dòng tiền của vàng rất lớn nhưng mang tính ngắn hạn. Bởi thế, cùng với hành vi vay USD bán lại USD cho ngân hàng, xuất khẩu vàng đã mang về một lượng lớn USD can thiệp vào thị trường, dẫn đến tỷ giá tương đối ổn định trong thời gian gần đây.

Nhưng đó có là xu hướng bền vững hay không, chỉ ít là đến hết năm nay lại là chuyện khác. Bởi, khi giá vàng thế giới cao hơn trong nước, doanh nghiệp sẽ xuất vàng nhưng khi xu hướng kia diễn ra ngược lại, tất yếu sẽ phải nhập khẩu vàng.

Và nếu Ngân hàng Nhà nước không cấp quota nhập khẩu thì sẽ phát sinh nhập lậu và đó là tiền đề cho hành vi vơ vét USD trên thị trường tự do, làm trầm trọng thêm tâm lý găm giữ USD như từng xảy ra năm ngoái.

Một minh chứng cho vấn đề găm giữ là mặc dù Chính phủ đã có chủ trương yêu cầu tất cả tập đoàn, tổng công ty nhà nước bán ngoại tệ cho ngân hàng nhưng qua tìm hiểu của người viết ở một ngân hàng thương mại nhà nước, họ chỉ mua được 2%/tổng số ngoại tệ mà các đối tượng này đang treo trên tài khoản!

Xung quanh vấn đề tái xuất vàng, vòng quay đang diễn ra như sau: doanh nghiệp mua vàng của dân để xuất khẩu, thu ngoại tệ, bán lại cho ngân hàng thương mại, ngân hàng thương mại bán tiếp cho Ngân hàng Nhà nước.

Như thế, phải qua 5 công đoạn, Ngân hàng Nhà nước mới thu được ngoại tệ sau khi bơm một lượng VND tương ứng ra thị trường.

Một số ý kiến phân tích tỏ ra ngạc nhiên, rằng không hiểu vì lý do gì mà không rút ngắn vòng luẩn quẩn trên bằng cách mua vàng ở một mức giá nào đó để đôi bên cùng có lợi.

Như thế, Ngân hàng Nhà nước vừa có vàng để đa dạng hóa dự trữ ngoại hối quốc gia, tránh lãng phí nguồn tài nguyên vô giá nhưng hữu hạn, nhất là trong lúc nhiều ngân hàng trung ương các nước thi nhau mua vàng. Mặt khác, khi cầu vàng

trong nước lên, Ngân hàng Nhà nước có thể bán vàng thu VND về, tránh chảy máu vàng ra nước ngoài. Còn nếu e ngại lạm phát thì Ngân hàng Nhà nước có thể “bơm - hút” VND qua nghiệp vụ OMO. Có phải Ngân hàng Nhà nước không muốn “ôm rơm rặm bụng”?

▪ Nguyễn Hoài - Vneconomy

* CÁC VẤN ĐỀ VỀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Đại gia kêu cứu, ngân hàng lặng yên

Chưa đầy nửa năm sau ngày Chính phủ hạ lệnh thắt chặt tín dụng, ngay cả các doanh nghiệp “nhà giàu” xưa nay vẫn “vỗ ngực” chẳng lo thiếu vốn giờ cũng đã phải lên tiếng cầu cứu.

Cầm hơi

Thay vì thông lệ báo cáo thành tích đã quy hoạch được bao nhiêu khu đô thị, triển khai được bao nhiêu dự án, xây dựng được bao nhiêu mét vuông nhà... như trước đây, cuộc giao ban hồi đầu tuần trước giữa các doanh nghiệp trong ngành với lãnh đạo Bộ Xây dựng đã trở thành diễn đàn để các doanh nghiệp than thở về chuyện thiếu tiền.

Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Xi măng Việt Nam (VICEM) Lê Văn Chung “mở màn” với giọng điệu thê thiết: “Đi vay lúc này cũng chỉ là để nấu cháo ăn qua bữa, giống như một người sắp chết buộc phải vay thôi”. Ông Chung nói thẳng, lợi nhuận chỉ có vài phần trăm thì lấy đâu ra tiền để trả lãi trên 20%/năm.

Thắt chặt tín dụng mà dẫn đến sản xuất đình đốn thì không hợp lý. Nếu siết đến mức các đơn vị sản xuất, kinh doanh đổ bể thì ngân hàng cũng không thể đòi được nợ. Tổng công ty Xi măng là một đơn vị sản xuất thực sự, quanh năm đào đá, xúc đất nhưng lợi nhuận chỉ khoảng 2-3%.

Cũng viện dẫn những con số của doanh nghiệp mình, ông Dương Khánh Toàn, Tổng giám đốc Tập đoàn Sông Đà cho biết, nhiều chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm nay thấp hơn hẳn so với kế hoạch, bởi chủ đầu tư các công trình mà tập đoàn này đang thi công cũng kẹt tiền thanh toán, dẫn tới công nợ của Tập đoàn đang ngày một phình ra.

Vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là 15.600 tỷ đồng, vốn Nhà nước chỉ có 4.600 tỷ đồng, mà hiện nay Sông Đà đã đầu tư 8.000 tỷ đồng.

Trong khi đó dở dang công nợ quá lớn, đã lên tới 5.500 tỷ đồng. Riêng tại dự án Thủy điện Lai Châu - công trình trọng điểm của Nhà nước, tổng giá trị thi công của

các đơn vị, nhà thầu trong Tập đoàn đã lên tới 1.300 tỷ, nhưng vốn (cả ứng và thanh toán của chủ đầu tư) thì đến nay mới được cả thảy 264 tỷ đồng.

Ông Toàn than: “Hai tháng vừa rồi, các đơn vị thi công vẫn chưa được thanh toán một đồng nào. Chúng tôi phải huy động mọi nơi để trả lương cho công nhân. Khả năng chịu đựng của doanh nghiệp có hạn, tình hình hiện rất căng thẳng”.

Chia sẻ với người đồng nhiệm ở Tập đoàn Sông Đà, Tổng giám đốc Tập đoàn Phát triển nhà và Đô thị (HUD) Nguyễn Đăng Nam cho rằng, chưa bao giờ các doanh nghiệp kinh doanh, đầu tư bất động sản lại khó khăn như thời điểm này. Các doanh nghiệp hiện đang chịu tác động kép, bởi ảnh hưởng tiêu cực từ khủng hoảng kinh tế toàn cầu còn chưa chấm dứt, thì lại phải đối mặt với lạm phát tăng cao, chi phí xây dựng biến động, việc huy động vốn vào sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh thắt chặt tiền tệ.

Ông Nam nói: “Chỉ sau một thời gian ngân hàng siết chặt tín dụng, áp dụng lãi suất ở mức cao thì gần như ngay lập tức chi phí đầu vào của các doanh nghiệp đã bị ảnh hưởng. Kéo theo đó là tình trạng suy giảm, đóng băng của thị trường bất động sản khiến nguồn vốn huy động từ dân chúng càng khó khăn”.

Cứ “thắt” là... xì

Nhìn lại những gì đã diễn ra, người ta mới càng thấy thấm thía bình luận “thị trường bất động sản Việt Nam, hay nói cách khác là các doanh nghiệp bất động sản Việt Nam, hiện nay lệ thuộc quá sâu vào hệ thống ngân hàng”. Không có tín dụng từ ngân hàng, nhiều doanh nghiệp chắc chắn không thể trụ được lâu.

Gần đây nhất, năm 2010, thị trường cũng đã có giai đoạn ngắn bị đình trệ vì thắt chặt tín dụng. ***Cụ thể, tại thời điểm 31/7/2010, dư nợ cho vay xây dựng khu đô thị mới tăng trưởng âm 2,35% so với mức tăng trưởng 10,2% của cả năm 2009.***

Tương tự, ***dư nợ cho vay xây dựng, sửa chữa, mua nhà để ở chỉ tăng 5,47% so với mức 27,2% của cả năm 2009.*** Điều này cho thấy, nếu các yếu tố kinh tế vĩ mô không ổn định, lạm phát luôn đứng trước nguy cơ vượt ngưỡng cho phép thì khó có thể tạo dựng được một thị trường bất động sản phát triển bền vững.

Để tháo gỡ khó khăn hiện nay, theo các chuyên gia bất động sản, một mặt, phải khơi thông nhiều kênh vốn khác cho bất động sản như vốn FDI, nguồn tiền nhàn rỗi trong dân... Mặt khác, về lâu dài, cần thành lập Quỹ tiết kiệm nhà ở để hỗ trợ cho người lao động có điều kiện mua nhà, góp phần kích cầu trên thị trường.

Đồng thời, phải nghiên cứu thí điểm thành lập Cơ quan tái tài trợ thế chấp và mô hình Quỹ đầu tư tín thác bất động sản để tạo thêm nguồn cung cấp vốn ngoài các tổ chức tín dụng cho thị trường.

Nhận định rằng giai đoạn trước mắt thị trường vẫn tiếp tục phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn tín dụng ngân hàng, nhiều chuyên gia cho rằng, chính sách tài chính, tiền tệ cần rất linh hoạt để vừa đảm bảo không tạo ra “bong bóng” trên thị trường, nhưng cũng không thắt chặt đột ngột gây đổ vỡ thị trường trên diện rộng.

Trước mắt, các doanh nghiệp như HUD, VICEM **tha thiết kiến nghị với Chính phủ xem xét, đánh giá lại và phân định rõ các lĩnh vực trong “vòng kim cô” phi sản xuất, để từ đó có những chính sách tín dụng phù hợp**, tạo điều kiện để các doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận nguồn vốn từ các ngân hàng.

Ông Nguyễn Đăng Nam đề xuất, Bộ Xây dựng cần tiếp tục làm việc với Ngân hàng Nhà nước để xem xét đưa ra các tiêu chí, điều kiện cho vay đối với các dự án bất động sản đang triển khai dở dang, các dự án xây nhà cho người thu nhập thấp... cũng như quan tâm đến việc cho vay mua nhà đối với các đối tượng khó khăn, đối tượng chính sách trên cả nước.

Tập đoàn HUD cũng đề nghị xem xét xây dựng cơ chế cho phép thế chấp dự án hình thành trong tương lai để có cơ sở vay vốn. Hàng loạt doanh nghiệp khác kiến nghị Chính phủ chỉ đạo giảm lãi suất cho vay lẫn huy động để ngăn chặn nguy cơ thua lỗ do chi phí tài chính quá lớn...

Phải nói thêm rằng, hầu hết những đề xuất trên của các doanh nghiệp đã được Bộ Xây dựng gửi tới Ngân hàng Nhà nước hồi cuối tháng 6 vừa qua. Tuy vậy, gần 1 tháng trôi qua, Ngân hàng Nhà nước vẫn chưa có câu trả lời. Thay vào đó, **một số chuyên gia tài chính - ngân hàng đã lên tiếng cho rằng, bất động sản thực ra chưa tới mức phải giải cứu và không nên bơm thêm vốn ra để cứu các con nợ**.

Không rõ quá trình “thăm dò dư luận” còn kéo dài tới bao giờ trước khi một quyết định chính thức được Ngân hàng Nhà nước ban hành, gỡ khó cho doanh nghiệp?

*Theo **Phương Mai**
Diễn đàn Doanh nghiệp*

Doanh nghiệp khỏe, ngân hàng sẽ khỏe

Giảm lãi suất xuống mức hợp lý (10%) giúp doanh nghiệp sống khỏe, còn các NHTM không phải “chạy đua” lãi suất huy động vốn do được NHNN tái cấp vốn với lãi suất thấp.

Lãi suất... “ngựa bất kham”

Thực tế hiện nay, nhiều NHTM thiếu nguồn vốn nên tìm mọi cách để huy động vốn, đẩy lãi suất lên cao khiến các NH lớn bị “rút ruột” (khách hàng rút tiền gửi NH khác) và buộc phải phòng thủ bằng cách tăng lãi suất theo.

Lãi suất huy động leo cao nhưng tổng lượng vốn huy động được trong hệ thống NH tăng không đáng kể. Nó tạo ra một vòng luẩn quẩn mà không NH nào chịu xuống nước vì sợ mất khách. Vô hình chung, chính các NH đang làm giảm lượng vốn huy động trong hệ thống.

Theo chuyên gia kinh tế Bùi Kiến Thành, tổng lượng tín dụng của Việt Nam hiện nay là khá cao, bằng 120% lần tổng sản lượng quốc nội GDP trong khi mức hoạt động tốt chỉ bình quân từ 60%- 80% GDP.

Khoảng 3 năm gần đây (2006-2009) tín dụng tăng lên đột ngột (30-40%), chưa kể bù 4% lãi suất từ vốn kích cầu (2009) và nên nay phải siết tổng tín dụng xuống. Như vậy chúng ta đang bắt năm nay phải trả giá cho những năm trước.

“Trong khi, hệ thống NH Việt Nam không đồng đều, có những NH mạnh và có những NH yếu. Có những NH “ngáp sấp chết” vì vậy phải tìm cách sống sót bằng cách tăng lãi suất huy động lên và vượt cả trần”, ông Thành nói.

Theo Quy định thì lãi suất huy động không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản, nhưng từ tháng 4.2010 thì NHNN mở lại cơ chế lãi suất thỏa thuận và dẫn đến tình trạng các NHTM xé rào và lãi suất như con ngựa bất kham, không thể kiểm soát. Điều này dẫn đến hệ lụy các doanh nghiệp không dám vay vì lãi suất cao, quá sức chịu đựng của DN.

Gỡ thế nào?

Chuyên gia Bùi Kiến Thành cho biết, lạm phát không phải là nguyên nhân dẫn đến chỉ số giá tiêu dùng tăng mà do ảnh hưởng của giá lương thực, xăng dầu thế giới, điện cao...

Cũng không nên nhìn chỉ số giá tiêu dùng để định lãi suất mà dùng mọi công cụ quản lý điều hành chính sách tiền tệ để rút lãi suất xuống. Cách tăng lãi suất ở ta không hiệu quả do tổng lượng tín dụng tiêu dùng ở ta thấp.

Ông Thành lý giải, “ở các nước phát triển, vay tiêu dùng chiếm 60-70% còn lại là tín dụng doanh nghiệp. Giá tiêu dùng ở các nước này lên là do cầu kéo tức là chi tiêu quá nhiều không đủ hàng hóa, cung không theo kịp, giá tăng”.

Trong khi, nền kinh tế chạy quá nóng đã dùng tới mức tối đa nguyên liệu, lao động... vẫn không sản xuất được thêm hàng hóa. Các nước đó giảm cầu bằng cách tăng lãi suất cho vay đánh vào tín dụng tiêu dùng (60-70%) và cung không phải chạy theo cầu, nền kinh tế hạ nhiệt, giá trên thị trường sụt giảm.

Tuy nhiên, ở Việt Nam tổng lượng tín dụng tiêu dùng khoảng 10% do đó lãi suất cao sẽ làm tăng chi phí đầu vào, chi phí sản xuất tăng khiến giá tăng.

Lãi suất cao khiến các doanh nghiệp hoạt động cầm chừng thậm chí ngưng sản xuất, nếu tiếp tục kéo dài sẽ dẫn đến mất khả năng thanh toán nợ và có thể phá sản. Vì vậy vấn đề đặt ra hiện nay là làm sao điều chỉnh được lãi suất về mức hợp lý?

Theo ông Thành, các **doanh nghiệp chỉ hoạt động tốt với lãi suất từ 10% trở xuống**, trên mức này sẽ gặp khó, chi phí đầu vào cao làm giá hàng hóa bán ra trên thị trường tăng. Góp phần làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng. Sản xuất ra cũng không bán được do không cạnh tranh nổi hàng nhập khẩu rẻ từ Trung Quốc.

Giải pháp mà ông Thành đưa ra là NHNN có thể **tái cấp vốn với lãi suất thấp, ví dụ ở mức 3% cho NHTM và NHTM cho doanh nghiệp vay với lãi suất chênh khoảng 7-8%**. Đồng thời NHNN có cơ chế giám sát, quản lý nguồn tiền đi vào sản xuất kinh doanh theo chủ trương của Chính phủ. Với giải pháp trên, các NHTM sẽ không phải chạy đua lãi suất, lách luật, phá rào để huy động vốn bên ngoài. Các doanh nghiệp có nguồn vốn tín dụng hợp lý, xây dựng doanh nghiệp mạnh lên. Và xét cho đến cùng, doanh nghiệp chính là khách hàng “ruột” của các NHTM. Doanh nghiệp khỏe thì NH cũng khỏe...

▪ Theo Vũ Hải - Lao động

Khi tiền vào nền kinh tế cao hơn mức tín dụng công bố

Tốc độ tăng trưởng tín dụng 6 tháng đầu năm được thông báo đạt mức trên 7%. Tuy nhiên, con số thực tế có thể còn cao hơn, vì vốn của tổ chức tín dụng (TCTD) đưa ra nền kinh tế không chỉ qua cho vay đối với doanh nghiệp và cá nhân.

Hạn mức tín dụng là công cụ của chính sách tiền tệ do ngân hàng trung ương sử dụng nhằm khống chế trực tiếp mức dư nợ tín dụng của các TCTD, từ đó kiểm soát tổng lượng tiền đưa vào nền kinh tế. Năm 2011, Chính phủ chỉ đạo ngân hàng Nhà nước (NHNN) phải bảo đảm tốc độ tăng trưởng tín dụng năm 2011 dưới 20%.

Trái phiếu doanh nghiệp là một hình thức cấp tín dụng

Nhiều ngân hàng đã lách tỷ lệ bảo đảm an toàn bằng cách đẩy mạnh các hoạt động đầu tư tài chính, đặc biệt là mua trái phiếu doanh nghiệp.

Mặc dù luật TCTD định nghĩa: “Cấp tín dụng là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác”, nhưng hạn mức tăng trưởng tín dụng từ trước đến nay vẫn được hiểu là chỉ áp dụng đối với nhóm nghiệp vụ cho vay, cho thuê với tổ chức kinh tế và cá nhân (còn gọi là cho vay thị trường 1). Trong khi đó, tài sản có của ngân hàng thương mại (NHTM) còn nhiều mục

khác, mà đáng chú ý nhất là nhóm góp vốn liên doanh, mua chứng khoán, góp vốn đồng tài trợ (hay còn gọi là nhóm đầu tư tài chính). Trước đây, nhóm này chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng tài sản, mức độ biến động ít, đồng thời không có yêu cầu cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn rõ ràng trong tính toán các yếu tố về thanh khoản trong kỳ giám sát ngày của ngân hàng. Nhưng từ khi NHNN ban hành Thông tư 13/2010/TT-NHNN quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn của TCTD, đặc biệt trong bối cảnh chính sách tiền tệ thắt chặt, việc khống chế tốc độ tăng dư nợ đã làm giảm lợi nhuận của các NHTM. Nhiều ngân hàng đã lách trần tín dụng, lách tỷ lệ bảo đảm an toàn bằng cách đẩy mạnh các hoạt động đầu tư tài chính, đặc biệt là mua trái phiếu doanh nghiệp và ủy thác.

Dư luận không biết được tổng số dư đầu tư tài chính của toàn hệ thống ngân hàng là bao nhiêu, nhưng chắc phải là con số lớn, vì đến cuối tháng 5/2011, chỉ tính riêng tổng giá trị đầu tư tài chính của 19 ngân hàng cổ phần (phía Nam) đã là 88.635 tỉ đồng, bằng 15,2% so với tổng tài sản của cả 19 ngân hàng. Ngoài ra, nhiều NHTM còn đẩy vốn vào nền kinh tế bằng cách hoạt động cấp vốn, góp vốn vào công ty con, công ty liên kết của chính mình; thực hiện hoạt động ủy thác và nhận ủy thác cho vay, góp vốn, đầu tư, kinh doanh chứng khoán

Luật các TCTD không quy định cụ thể về việc mua trái phiếu doanh nghiệp là một hình thức cấp tín dụng của các TCTD. Tuy nhiên, khoản 14, điều 4 của Luật có các quy định về các nghiệp vụ cấp tín dụng khác. Đồng thời, khoản 3, điều 98 giao cho NHNN chấp thuận các hình thức cấp tín dụng khác của NHTM. Về hạn mức cấp tín dụng cho 1 khách hàng cũng có quy định: “mức dư nợ cấp tín dụng... bao gồm cả tổng mức đầu tư vào trái phiếu do khách hàng phát hành”. Từ trước đến nay, việc mua trái phiếu doanh nghiệp hay ủy thác (trừ ủy thác cho vay) đều không được coi là hoạt động cấp tín dụng. Tuy nhiên, về bản chất, việc TCTD mua trái phiếu doanh nghiệp, đặc biệt là trái phiếu phát hành riêng lẻ, trực tiếp cho TCTD phải được xem là một nghiệp vụ cấp tín dụng của TCTD cho doanh nghiệp phát hành. Như vậy, nếu tính đúng, tính đủ các thành phần của cấp tín dụng thì mức tăng tín dụng thực tế phải cao hơn mức tăng NHNN đã công bố. Ví dụ, mức dư nợ của 19 NHTM cổ phần phía Nam phải cộng thêm vào gần 42.700 tỉ đồng (là số tiền do các NHTM này đầu tư vào chứng khoán do tổ chức kinh tế phát hành) mới ra con số cấp tín dụng thực tế của các ngân hàng này trong 5 tháng đầu năm 2011.

Rủi ro hệ thống và tăng áp lực lạm phát

Hoạt động đầu tư tài chính của các NHTM đã bộc lộ những dấu hiệu đáng lo ngại, dẫn đến tình trạng cho đến nay tiềm ẩn nhiều rủi ro. Một phần vì thiếu các quy định giám sát thanh khoản chặt chẽ (kể cả văn bản pháp lý của NHNN lẫn quy định nội bộ của các NHTM). Rủi ro lớn nhất là có thể một số vốn mua trái phiếu doanh

nghiệp thực chất là cấp tín dụng cho các doanh nghiệp “sân sau” của ngân hàng, hoặc một hình thức đảo nợ. Còn tiền ngân hàng ủy thác cho các công ty chứng khoán và quỹ đầu tư thì trong bối cảnh thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán sụt giảm như hiện nay, việc thu hồi vốn là không dễ dàng. Đó là chưa kể trong nhiều hợp đồng ủy thác vốn, một số NHTM không quy định rõ ủy thác vốn cho bên nhận ủy thác để làm gì mà chỉ có những cam kết về mức lãi suất ủy thác (khá cao, có hợp đồng lên đến 23 - 24%/năm). Với mức lãi suất này, nhiều khả năng bên nhận ủy thác (chủ yếu là các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư tài chính) chỉ có thể cho vay ngắn hạn với những lĩnh vực có tính đầu cơ như bất động sản, kinh doanh chứng khoán, ngoại tệ và vàng.

Với hệ số tạo tiền của kênh tín dụng ngân hàng, nếu số tiền các TCTD đã bỏ ra mua trái phiếu doanh nghiệp được tính vào dư nợ cho vay nền kinh tế thì con số này lớn hơn, gây áp lực không nhỏ lên lạm phát.

Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản hệ thống, rõ ràng, minh bạch số liệu cấp tín dụng cho nền kinh tế, NHNN nên sớm có văn bản hướng dẫn về nghiệp vụ cấp tín dụng khác, đặc biệt là hình thức mua trái phiếu doanh nghiệp, hoạt động ủy thác để làm cơ sở pháp lý xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai Luật TCTD năm 2010 và thực tiễn hoạt động của các TCTD.

Nguồn SGTT

Bộ Tài chính: Dự thảo TCTD

nộp 10% thuế GTGT khi bán tài sản đảm bảo

Không áp dụng thuế GTGT với dịch vụ cung cấp tín dụng và nhận tiền gửi của tổ chức và cá nhân.

Ngày 1/8, Bộ Tài chính ban hành dự thảo thông tư “Hướng dẫn một số nội dung về thuế giá trị gia tăng đối với các tổ chức tín dụng” trong đó quy định những dịch vụ của TCTD là đối tượng chịu thuế GTGT, bao gồm:

1. Dịch vụ ngân hàng:

- Dịch vụ thanh toán.
- Cung ứng dịch vụ bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật;
- Dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài

- Các khoản thu phí dịch vụ không thuộc đối tượng cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng.

2. Kinh doanh mua bán ngoại tệ, vàng bạc đá quý.

3. Bán tài sản đảm bảo tiền vay để thu hồi nợ

Thuế suất 10% áp dụng đối với dịch vụ ngân hàng, bao gồm cả dịch vụ kinh doanh mua bán vàng bạc, đá quý, ngoại tệ.

Với các dịch vụ ngân hàng thì phương pháp tính thuế GTGT là phương pháp khấu trừ; đối với hoạt động kinh doanh mua bán vàng bạc, đá quý, ngoại tệ áp dụng phương pháp tính thuế GTGT trực tiếp.

Dự thảo thông tư cũng quy định những dịch vụ ***không chịu thuế suất gồm: các dịch vụ cung cấp tín dụng, nhận tiền gửi, bao thanh toán trong nước và xuất khẩu, phí từ phát hành thẻ tín dụng quốc tế và khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại vào cuối năm tài chính.***

Thanh Hải

Theo TTVN/MOF

Biên độ giá thấp, doanh nghiệp kinh doanh vàng kêu cứu

Biên độ giữa giá mua và giá bán hiện nay chỉ còn bằng 1/8 so với mức chênh lệch năm 2000, số lượng doanh nghiệp kinh doanh vàng tăng lên nhiều, còn lượng giao dịch thì lại giảm.

Nhiều DN kinh doanh vàng tại Hà Nội đang kêu cứu về mức chênh lệch giữa giá mua vào và bán ra đang ở mức quá thấp, khiến họ gặp khó khăn và thua lỗ.

Theo các doanh nghiệp, biên độ giữa giá mua và giá bán hiện nay chỉ còn bằng 1/8 so với mức chênh lệch năm 2000. Trong khi đó, số lượng doanh nghiệp kinh doanh vàng tăng lên nhiều, còn lượng giao dịch thì lại giảm đi sau chủ trương hạn chế người dân mua bán vàng miếng.

Thuê mặt bằng tại ngã tư Xã Đàn, Khâm Thiên với giá 40 triệu đồng/tháng, cộng thêm lương của hàng chục nhân viên và lãi suất vay vốn ngân hàng, mỗi tháng, Công ty Ngọc Long tiêu tốn khoảng 150 triệu đồng cho hoạt động kinh doanh vàng miếng và đồ trang sức của mình. Tuy nhiên thời gian gần đây, doanh thu của Ngọc Long không đủ bù chi phí.

Ông Trần Thắng, Giám đốc Công ty Vàng Ngọc Long cho biết: “Ngày trước giá mua và giá bán chênh nhau từ 3-4 trăm nghìn/lượng vàng. Ngày nay, biên độ này càng thu hẹp lại giờ chỉ còn khoảng 100 nghìn/lượng vàng. Thời gian gần đây, lượng

giao dịch vàng thấp đi rất nhiều, mỗi ngày chúng tôi chỉ giao dịch cùng lắm vài chục lượng, doanh thu vài triệu đồng nên bị lỗ”.

Mức chênh lệch 100 nghìn đồng/lượng như của Ngọc Long còn là cao. Để thu hút khách về mình, các doanh nghiệp lớn, có tiềm lực tài chính mạnh đưa ra biên độ giữa giá mua và giá bán chỉ vài chục nghìn đồng.

Theo ông Vũ Minh Châu, TGD công ty vàng bạc Bảo Tín Minh Châu, đúng 10 năm trước, khi giá vàng đang ở mức 4,9 triệu đồng/lượng, thì mức chênh lệch vàng giữa giá mua và bán cũng đã là 100 nghìn đồng/lượng.

Giờ đây, **“khi giá vàng đã lên tới 40 triệu đồng/lượng, tức là gấp 8 lần thì mức chênh lệch hiện nay chỉ từ vài chục cho đến 100 nghìn đồng.** Trong khi đó, chi phí sản xuất kinh doanh lại tăng lên nhiều lần, khiến việc kinh doanh vàng không còn hiệu quả.

“Hệ thống kinh doanh Bảo Tín Minh Châu hiện nay không có hiệu quả. Quy mô lớn, chi phí nhiều, lượng giao dịch thì ngày càng ít đi. Chưa kể gần đây giá vàng tăng mạnh, nhiều khi vừa bán giá thấp đã phải mua lại giá cao hơn, khiến Bảo Tín Minh Châu bị lỗ”. Ông Vũ Minh Châu nói.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp cũng thừa nhận, nguyên nhân của việc giá mua bán vàng ngày càng thu hẹp xuất phát từ chính cộng đồng kinh doanh vàng, chứ không chịu tác động từ bên ngoài.

Ông Nguyễn Thanh Trúc, Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Vàng Agribank: “Số lượng DN tham gia kinh doanh vàng ngày càng nhiều lên, trong khi lực cầu có xu hướng giảm khiến một số doanh nghiệp hạ giá bán và nâng giá mua để thu hút khách. Để tồn tại được, các doanh nghiệp khác buộc phải làm theo, cứ như vậy khiến cho biên độ giữa giá mua và giá bán ngày càng thu hẹp lại”.

Một số doanh nghiệp kinh doanh vàng đã cùng ký vào một lá đơn kiến nghị lên Hiệp hội Kinh doanh Vàng Việt Nam nhờ can thiệp tháo gỡ tình trạng trên, trong đó đề xuất giải pháp áp dụng biên độ giá mua-giá bán vàng tương tự như quy định biên độ lãi suất tiền vay, tiền gửi của các ngân hàng.

Theo các doanh nghiệp, làm vậy sẽ tránh được trường hợp mức chênh lệch giá mua giá bán được đẩy lên quá cao tới 5-6 trăm nghìn đồng/lượng như cách đây vài tháng, gây thiệt thòi cho người tiêu dùng hay tụt xuống mức quá thấp đến nỗi doanh nghiệp cũng không thể chịu nổi như hiện nay.

• Theo Lê Hương - VTV

Tổng thư ký Hiệp hội Kinh doanh vàng VN: "Nên bỏ giấy phép nhập khẩu vàng"

Trên thế giới chỉ 20% là giao dịch vàng vật chất, 80% giao dịch vàng trên tài khoản. VN hiện chủ yếu giao dịch vàng vật chất, không có vàng kinh doanh trên tài khoản, huy động vốn bằng vàng cũng đang thu hẹp lại.

Ông Đinh Nho Bằng, phó chủ tịch kiêm tổng thư ký Hiệp hội Kinh doanh vàng VN, phân tích những giải pháp nhằm giảm thiểu sự tác động của giá vàng đến các chính sách tiền tệ và tâm lý các nhà đầu tư...

Giá vàng thế giới ngày 30-7 đã vọt lên mức kỷ lục 1.633,8 USD/ounce, kéo theo giá vàng trong nước lên 40,1 triệu đồng/lượng. Làm thế nào để giảm thiểu tác động của giá vàng đến các chính sách tiền tệ, tâm lý của các nhà đầu tư, cũng như các kênh đầu tư khác...?

Tuổi Trẻ xin giới thiệu ý kiến phân tích của ông Đinh Nho Bằng - phó chủ tịch kiêm tổng thư ký Hiệp hội Kinh doanh vàng VN:

Xu hướng giá vàng từ trước đến nay liên tục là một đồ thị chủ yếu đi lên. Giá vàng tăng do ảnh hưởng nợ công tại các nước châu Âu như Hi Lạp, trần nợ công của Mỹ, tình trạng lạm phát tại các nước... Giá vàng thế giới vừa rồi tăng cao khiến giá vàng trong nước cũng tăng theo.

Lạm phát ở VN luôn cao trong nhiều năm trở lại đây, vì vậy người dân VN đã có thói quen tích trữ vàng nay lại càng thích đầu tư vàng do các kênh đầu tư khác như chứng khoán, bất động sản đang trong thời gian ảm đạm.

Trong một cuộc hội thảo gần đây, theo số liệu của Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia đánh giá lượng vàng dự trữ trong dân khoảng 400-500 tấn (tương đương 20-25 tỉ USD), đây là lượng vốn rất lớn đang nằm trong dân.

Đồng bộ trong điều hành

Giá vàng lên cao đã ảnh hưởng về mặt tâm lý của các nhà đầu tư vàng cũng như các kênh đầu tư khác. Chẳng hạn, vừa qua có hiện tượng lãi suất đồng USD rất thấp, lãi suất tiền đồng cao nên người ta đi vay USD để đầu tư tiền đồng.

Đối với vàng cũng thế, khi giá lên mua vàng có lợi hơn gửi tiết kiệm nên người ta sẽ đầu tư vào vàng. Như vậy việc điều hành chính sách vĩ mô một cách đồng bộ là một yêu cầu cấp bách như: lãi suất tiết kiệm, lãi suất cho vay, tỉ giá... Nếu làm tốt những việc đó chắc chắn sẽ hạn chế được những tác động tiêu cực do biến động giá vàng.

Đặc điểm của thị trường vàng VN khác với thế giới, đó là VN hiện chủ yếu giao dịch vàng vật chất, không có vàng kinh doanh trên tài khoản, huy động vốn bằng vàng cũng đang thu hẹp lại.

Trên thế giới chỉ có 20% là giao dịch vàng vật chất, còn 80% là giao dịch vàng trên tài khoản, như vậy thị trường vàng VN hoàn toàn ngược với thị trường vàng thế giới.

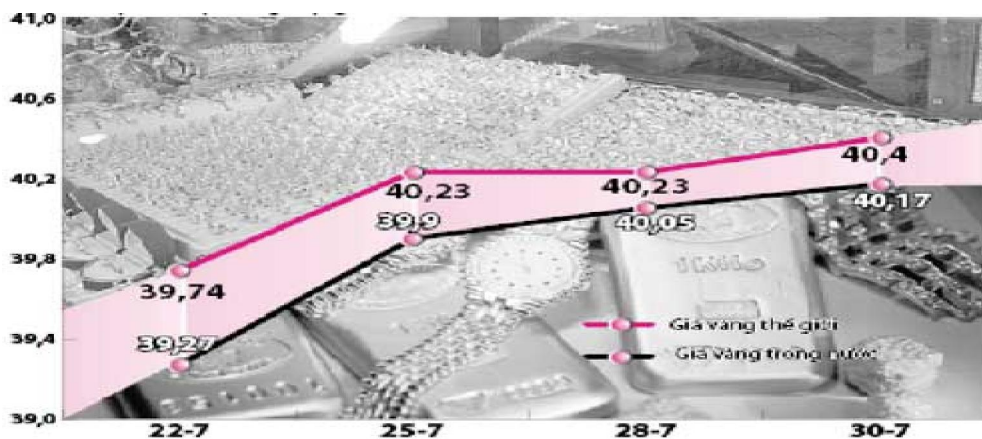
"Với cơ chế điều hành xuất nhập khẩu vàng phải có giấy phép như hiện nay cũng tạo ra khoảng cách giữa giá vàng VN và thế giới, vì thế vừa rồi có tình trạng xuất khẩu vàng nhiều"

Ông ĐINH NHỎ BÀNG

Giao dịch bằng vàng vật chất phải thanh toán tiền đầy đủ trong khi vàng tài khoản chỉ cần thanh toán trước 7%. Do đó, giao dịch vàng trên tài khoản lợi hơn, vòng quay nhanh hơn, rủi ro, chi phí thấp hơn (vì giao dịch có những công cụ để chốt lời và cắt lỗ).

Còn vàng vật chất phải chế tác mới thành sản phẩm mua bán được, chưa kể chi phí vận chuyển, chi phí bảo hiểm, hao hụt trong quá trình chế biến, hay phải sử dụng số ngoại tệ tương đương nếu nhập khẩu vàng...

Về mặt nguyên tắc mà nói thị trường vàng VN hoàn toàn phụ thuộc thị trường vàng thế giới bởi ta không sản xuất được vàng (90% ta phải nhập khẩu), do đó giá vàng trong nước phụ thuộc giá thế giới là điều dễ hiểu.



Giá vàng trong nước - thế giới gần đây

Nên bỏ giấy phép xuất nhập vàng

Tôi cũng đồng tình với ý kiến của Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia tại cuộc hội thảo vừa qua là nên bỏ giấy phép xuất nhập khẩu vàng, bởi thực tế ở các nước khác gần như áp dụng chế độ tự do đối với xuất nhập khẩu vàng (ví dụ Ấn Độ, Thái Lan... nhập khẩu vàng nhiều nhưng cũng khuyến khích xuất khẩu để thu ngoại tệ).

Như vậy một mặt sẽ tạo ra được sự cân bằng giữa giá trong nước và quốc tế, mặt khác hiện tượng xuất nhập khẩu lậu vàng sẽ không tồn tại. Điều này góp phần

làm giảm nhập siêu, Nhà nước vẫn thu được thuế, ngân hàng vẫn quản lý được nguồn thu ngoại tệ, hoạt động doanh nghiệp minh bạch hơn.

Yêu cầu giảm nhập siêu là cấp bách và lâu dài, vì vậy việc đẩy mạnh xuất khẩu là giải pháp hàng đầu, đồng thời phải kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu là yêu cầu cấp thiết. Vì vậy việc xuất khẩu vàng để tái tạo ngoại tệ cũng cần thiết vì nó rất nhanh và hiệu quả, góp phần quan trọng để giảm nhập siêu trong thời gian qua.

56%

Đó là dư nợ cho vay bằng vàng so với tổng dư nợ của các ngân hàng thương mại trên địa bàn TP.HCM. Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước TP.HCM, trên địa bàn TP.HCM có 14 ngân hàng huy động và cho vay bằng vàng.

Số liệu đến ngày 30-6 huy động vàng của các ngân hàng này đạt 2.428.000 lượng, giảm 18,4% về lượng và 16,1% về giá trị so với đầu năm 2011. Dư nợ cho vay bằng vàng đạt 1.116.000 lượng, tương đương giá trị 42.152 tỉ đồng, giảm 4,6% về giá trị và 2% về lượng so với đầu năm. Dư nợ cho vay bằng vàng chiếm 5,6% tổng dư nợ.

Đến nay các ngân hàng chỉ còn huy động vàng dưới dạng chứng chỉ tiền gửi, đồng thời ngưng cho vay bằng vàng.

Nghị quyết 11 của Chính phủ có yêu cầu đến việc kiểm soát chặt chẽ sản xuất và lưu thông vàng miếng, điều này hoàn toàn đúng bởi không có nước nào lưu thông vàng miếng nhiều như VN.

Lượng vàng miếng càng lớn thì tổn kém càng nhiều bởi phải bỏ ra nguồn ngoại tệ lớn để nhập vàng, chưa kể các chi phí hao hụt tổn kém khác, hơn nữa vàng miếng nằm trong dân Nhà nước cũng không quản lý được. Bản thân người dân cũng không muốn “ôm” vàng miếng làm gì vì cũng rủi ro, tổn kém.

Trước đây sàn vàng hoạt động hơn ba năm nhưng không có hành lang pháp lý, kiểu như làm đường mà không có biển báo nên dễ gây tai nạn. Cho nên việc Chính phủ quyết định đóng cửa sàn vàng là hoàn toàn cần thiết và đúng đắn. Tuy nhiên như ý kiến nhiều chuyên gia, việc nghiên cứu để ban hành một hành lang pháp lý cho việc giao dịch vàng trên tài khoản là cần thiết.

Vì đây là một trong những giải pháp kinh tế để thu hẹp lại lượng vàng miếng trên thị trường theo như định hướng của Chính phủ, đồng thời phù hợp với thông lệ quốc tế. Dân cũng lợi hơn, Nhà nước thì quản lý được thông qua tài khoản, thuế còn thu được.

Hiện phần lớn doanh nghiệp kinh doanh vàng tư nhân nộp thuế theo chế độ thuế khoán chứ không phải theo doanh thu thực tế.

Vì sao xuất vàng “đội lốt” nữ trang?

Đó là do quy chế hoạt động quản lý kinh doanh vàng theo nghị định 174 có từ năm 1999 của Chính phủ, đến nay 12 năm chưa được thay đổi. Trong nghị định có nói đến việc xuất khẩu vàng trang sức tự do không cần giấy phép nên khi có chênh lệch giá các doanh nghiệp sẽ xuất ngay.

Điều này liên quan đến việc điều hành cung cầu xuất nhập khẩu về vàng, nếu cơ chế này thông thoáng thì không có sự chênh lệch nhiều giữa giá VN và quốc tế, như thế sẽ không có hiện tượng xuất nhập vàng lậu.

Vừa rồi Bộ Tài chính đang lấy ý kiến để ban hành thông tư bổ sung cho thông tư 184, trong đó có nói sản phẩm vàng nữ trang có khối lượng trên 1 ounce và hàm lượng vàng từ 80% sẽ bị đánh thuế xuất khẩu 10%.

Theo tôi, Bộ Tài chính cần phối hợp với các ngành liên quan nghiên cứu một cách thấu đáo nhằm quy định mức biểu thuế xuất khẩu hợp lý để vừa khuyến khích được xuất khẩu nhằm thu ngoại tệ, Nhà nước cũng thu được thuế và đưa hoạt động thương mại được thực hiện một cách minh bạch.

Về vấn đề biên độ giá ta không nên quy định vì nó liên quan đến quyền lợi người tiêu dùng. Doanh nghiệp bao giờ cũng muốn nói rộng giá mua - bán để hưởng lợi nhiều. Tuy nhiên, ở đây ta cần nghĩ đến yếu tố xã hội, lợi ích của người tiêu dùng trước hết. Hãy cứ để cơ chế thị trường tự điều chỉnh về giá, ở đâu bán với giá thấp thì người ta mua.

• Theo **Phạm Phương** - Tuổi trẻ

Doanh nghiệp thích 'lướt sóng' đôla

Nhiều ngân hàng thương mại cho biết, các doanh nghiệp chọn thời điểm này vay USD vì tỷ giá ổn định, lãi suất thấp.

Tỷ giá ổn định, lãi suất rẻ là lý do chính khiến nhiều doanh nghiệp vay đôla rồi bán ra lấy tiền đồng để kinh doanh, thậm chí đem tiền đồng gửi lại ngân hàng hưởng chênh lệch.

Lãi suất cho vay tiền đồng hiện phổ biến trên 20% một năm, trong khi lãi suất cho vay USD 6 -7%, cộng với tỷ giá ổn định. Giám đốc một doanh nghiệp nhập khẩu ngành hạt nhựa tại quận Tân Phú, TP HCM nhấn mạnh, hiện nay, vay USD rõ ràng rẻ hơn nhiều so với vay tiền đồng. Ông tính toán nếu vay 5 tỷ đồng hiện nay, mỗi tháng doanh nghiệp phải trả lãi ít nhất 100 triệu đồng, nhưng chưa chắc đã vay được. Trong khi đó, vay khoảng 250.000 USD lãi suất 7% một năm, rồi đổi sang tiền đồng khoảng 5 tỷ, tiền lãi mỗi tháng chỉ chừng 1.500 USD, tương đương với hơn 30 triệu đồng.

"Chênh lệch lớn như vậy, doanh nghiệp tội gì không vay USD", ông nói.

Phó tổng giám đốc của một công ty xuất nhập khẩu da giày tại quận Tân Bình, TP HCM còn tiết lộ, vừa qua, một số doanh nghiệp khác hoạt động cùng ngành với ông, vì chi phí đầu vào cao, sản xuất khó khăn, không có lời nên sau khi vay 2 triệu USD, thay

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 7, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

vì đem vào sản xuất kinh doanh thì đơn vị trên đã đem bán được hơn 40 tỷ đồng gửi ngân hàng.

"Với lãi suất thỏa thuận khoảng 17% hoặc cao hơn như hiện nay thì tiền lời từ việc gửi tiền đồng còn cao hơn kinh doanh", ông này nói.

Theo báo cáo của ngân hàng Nhà nước, sáu tháng đầu năm, dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế tăng 7,05%, trong đó, tín dụng USD tăng tới 22,21%, gấp hơn 2,4 lần so với tốc độ tăng huy động vốn. Trong khi tốc độ tăng tín dụng tiền đồng chỉ ở mức 2,72%.

Một lãnh đạo của Ngân hàng Công thương Việt Nam (Viettinbank) thừa nhận, từ tháng 3 và nhất là nửa sau tháng 6 và đầu tháng 7, dư nợ tín dụng USD tăng nhanh chóng. Tình hình ở Vietcombank, ACB và Eximbank...cũng tương tự. Nhiều ngân hàng thương mại cho biết, các doanh nghiệp chọn thời điểm này vay USD vì tỷ giá ổn định, lãi suất thấp.

Nhu cầu ngoại tệ ngày một lớn khiến cho lãi suất huy động và cho vay cũng 'sốt' trở lại.

Theo khảo sát của *VnExpress.net*, hiện tại, mặt bằng lãi suất của một số ngân hàng có dịch vụ tín dụng ngoại tệ phát triển mạnh phổ biến ở 7% đối với kỳ hạn ngắn, cao thêm khoảng 0,2-0,3% đối với trung và dài hạn. Trong khi đó, ở các ngân hàng thương mại nhỏ hơn, những đơn vị có nhu cầu USD sẽ trả lãi khoảng 8% trở lên mới được tiếp cận vốn vay USD nhưng tín dụng ngoại tệ vẫn cứ tăng cao.

Ông Phan Đào Vũ, Tổng Giám đốc ngân hàng Bảo Việt xác nhận thời điểm này, doanh nghiệp đi vay về cơ bản thích được vay bằng USD hơn, vì lãi suất lợi hơn so với vay bằng đồng Việt Nam. Trong khi đó, huy động USD ở thời điểm này không dễ do người dân có khuynh hướng bán USD đổi lấy tiền đồng để gửi tiết kiệm VND ăn lãi suất "mặc cả" nên các nhà băng cũng tùy cơ ứng biến với nhu cầu vay vốn của khách hàng.

Trước dự lệch pha giữa cung và cầu tín dụng ngoại tệ, Phó Tổng Giám đốc ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietinbank) Lê Đức Thọ đề xuất, cần có giới hạn nhất định cho các đối tượng được vay, mua USD từ ngân hàng. Dù thời gian gần đây, nhờ chính sách thắt chặt tiền tệ cũng như chặt chẽ trong quản lý thị trường ngoại hối của Nhà nước, các ngân hàng thương mại cũng có cơ hội mua đôla Mỹ từ người dân.

Tuy nhiên, ông Thọ cho rằng, không ai dám chắc từ giờ đến cuối năm không có áp lực về tỷ giá. Do vậy, chỉ những đơn vị thật sự cần thiết mới cho vay đôla Mỹ để thanh toán.

Tiến sĩ Lê Thẩm Dương, Trưởng khoa Quản trị Kinh Doanh, Đại học Ngân hàng TP HCM cũng tỏ ra lo ngại trước thực trạng tăng nóng của tín dụng ngoại tệ. Theo ông, nếu tín dụng USD tiếp tục tăng trưởng cao thì căng thẳng tỷ giá cuối năm là điều được dự báo trước. “Cầu thực về ngoại tệ cuối năm để trả nợ cho ngân hàng sẽ khiến giá USD khó kiểm soát”, ông Dương nhận định.

Một nguồn tin từ Ngân hàng Nhà nước cho hay, cơ quan này đang theo dõi sát tình trạng tín dụng ngoại tệ tăng nóng trong nhiều tháng qua. Dựa trên số liệu thu thập được từ các ngân hàng thương mại, cơ quan này sẽ sớm có biện pháp hạ nhiệt.

• Theo **Tuệ Minh - Lê Chi**

Vnexpress

*** CÁC VẤN ĐỀ VỀ NGÂN HÀNG**

Quản trị hệ thống ngân hàng: Cần được cải tiến

Những chính sách quản lý hệ thống NHTM từ năm 2008 đến nay cho thấy NHNN không có sự phân biệt quy mô, mức độ rủi ro, thanh khoản... của từng ngân hàng.

Thời gian vừa qua, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã góp công lớn trong việc phát huy vai trò quan trọng của hệ thống ngân hàng trong nền kinh tế. Tuy nhiên, hoạt động quản trị hệ thống ngân hàng vẫn còn những bất cập cần được thay đổi.

Chính sách thiên về đối phó

Theo công bố của NHNN hồi giữa tháng 7-2011, đến ngày 30-6-2011 vẫn còn chín ngân hàng chưa giảm được tỷ lệ cho vay phi sản xuất xuống mức 22%. Nghĩa là các ngân hàng này sẽ đối mặt với hình phạt tăng gấp đôi dự trữ bắt buộc và hạn chế phạm vi hoạt động trong năm 2011 và 2012. Có thể nói hình thức xử phạt này là tín hiệu tích cực trong việc quản lý của NHNN. Tuy nhiên, các ngân hàng thương mại (NHTM) lại tỏ ra bức xúc trước những quy định về tỷ lệ cho vay phi sản xuất và hình thức xử phạt.

Thứ nhất, nguyên nhân trực tiếp của việc áp đặt tỷ lệ cho vay phi sản xuất (mà chủ yếu là cho vay bất động sản và chứng khoán) là do vấn đề lạm phát. NHNN đã đúng khi cho rằng quá nhiều tín dụng vào bất động sản và chứng khoán có thể góp phần làm cho lạm phát tăng cao và làm tăng rủi ro cho hệ thống ngân hàng.

Tuy nhiên, việc yêu cầu các NHTM phải giảm tỷ lệ cho vay phi sản xuất xuống trong thời gian chưa đầy bốn tháng là nhiệm vụ bất khả thi với nhiều ngân hàng bởi vì tín dụng bất động sản thường là trung, dài hạn và tỷ lệ cho vay là bao nhiêu còn tùy thuộc vào chiến lược của từng ngân hàng (nếu trước đó NHNN không có quy định cụ thể). Nói cách khác, NHNN đã đưa các NHTM vào thế chắc chắn sẽ bị phạt.

Thứ hai, thông thường dự trữ bắt buộc là công cụ của chính sách tiền tệ với hai chức năng chính là đảm bảo tính thanh khoản cho các ngân hàng và điều tiết lượng tiền lưu thông trong nền kinh tế. Do vậy, việc NHNN yêu cầu tăng dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng không đạt tỷ lệ dự nợ cho vay phi sản xuất vô hình trung đã đánh đồng các ngân hàng này với các ngân hàng không đạt yêu cầu về thanh khoản, trong khi thực tế không hẳn như vậy, và do đó không phù hợp.

Thực ra, tỷ lệ tín dụng BĐS cao đã kéo dài nhiều năm nhưng NHNN chỉ xử lý khi nó gây ra những hậu quả thấy rõ với hệ thống ngân hàng nói riêng và nền kinh tế nói chung. Nói cách khác, cách điều hành của NHNN trong trường hợp này chủ yếu mang tính xử lý tình huống hơn là ngăn ngừa và đảm bảo sự ổn định cho hệ thống NH cũng như nền kinh tế.

Một cỡ không thể vừa cho tất cả

Những chính sách quản lý của NHNN đối với hệ thống NHTM từ năm 2008 đến nay cho thấy NHNN không có sự phân biệt quy mô, mức độ rủi ro, thanh khoản... của từng ngân hàng. Điển hình như việc NHNN áp dụng mức trần tăng trưởng tín dụng cũng như tỷ lệ dự trữ giống nhau cho các ngân hàng, bất kể chất lượng tín dụng, tính thanh khoản các ngân hàng này như thế nào.

Tình trạng nói trên là do các ngân hàng chưa được phân loại thành từng nhóm. Do vậy, khi cần nhanh chóng áp dụng các biện pháp quản lý, NHNN bắt buộc phải áp dụng quy định chung cho tất cả hệ thống. Hệ quả là các ngân hàng thường chạy đua với nhau (vì không đua là chắc chắn thua), từ chuyện tăng trưởng tín dụng cho đến lãi suất, cho dù đây có thể là những cuộc đua... xuống đáy.

Lạm dụng biện pháp quản lý hành chính

Sau quá trình thị trường hóa hệ thống tài chính diễn ra khá suôn sẻ, đặc biệt là quá trình tự do hóa lãi suất từ những năm 1990-2007, tính thị trường của hoạt động tín dụng ngân hàng đã có một bước thụt lùi đáng kể. Việc áp dụng trần lãi suất huy động và thậm chí trần lãi suất cho vay đã làm méo mó quan hệ tín dụng, buộc các ngân hàng và các khách hàng của họ phải lách luật bằng cách áp dụng các khoản phí chưa từng có tiền lệ.

Các biện pháp này cũng góp phần làm cho tiền đồng trở nên kém hấp dẫn mà hệ quả là người dân đã chuyển tài sản của mình từ tiền đồng sang vàng và ngoại tệ làm cho tình trạng bất ổn vĩ mô càng thêm trầm trọng.

Tương tự, việc định giá cao tiền đồng so với đô la Mỹ và kiểm soát tỷ giá bằng những biện pháp hành chính đã gây căng thẳng, cho hoạt động thị trường ngoại hối. Và điều này tiếp tục khiến các NHTM và khách hàng của họ phải lách luật hoặc giao dịch trên thị trường tự do. Đó chính là lý do vì sao mà các công cụ điều hành thị trường tiền tệ của NHNN như lãi suất cơ bản, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất tái cấp vốn ít phát huy tác dụng trong thời gian qua.

Lẫn lộn giữa các mục tiêu

Mục tiêu cuối cùng của việc điều hành chính sách tiền tệ là ổn định giá trị đồng tiền. Tuy nhiên, thông qua việc quản trị hệ thống ngân hàng trong thời gian qua, có thể thấy dường như các mục tiêu trung gian như tăng trưởng tín dụng, tăng trưởng cung tiền... mới là mục tiêu cuối cùng. Điều này được thể hiện qua việc NHNN hàng năm đặt ra chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho hệ thống ngân hàng như là các chỉ tiêu hàng đầu.

Chưa hết, trong nhiều trường hợp, NHNN đặt ra các mục tiêu rất đối nghịch nhau. Chẳng hạn, để đạt được mục tiêu tăng trưởng tín dụng 20% trong năm 2011, rõ ràng các mục tiêu công cụ như dự trữ bắt buộc và lãi suất định hướng cần phải được sử dụng một cách thống nhất nhưng NHNN lại đặt ra mức trần lãi suất huy động 14%, thấp hơn rất nhiều so với mức thị trường kỳ vọng.

Đã đến lúc cần nhìn lại hoạt động quản trị hệ thống ngân hàng để cải tổ nhằm xây dựng hệ thống ngân hàng mạnh hơn, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển hơn.

▪ Theo **Hoàng Xuân Huy**
TBKTSG

Lợi nhuận ngân hàng trong mắt công ty chứng khoán

Ngày 26/7, ngay sau khi một loạt ngân hàng công bố lợi nhuận, một số công ty chứng khoán đã đưa ra bình luận và nhận định bước đầu.

Đến thời điểm này nhiều ngân hàng thương mại lớn nhỏ đã công bố kết quả kinh doanh quý 2 và 6 tháng đầu năm 2011. Thông tin tập hợp cho thấy hầu hết các thành viên vẫn đang bám sát chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận năm, có tốc độ tăng trưởng tốt. Và “tất nhiên” là chưa thấy trường hợp nào báo lỗ, hoặc lãi rất thấp.

Ngay sau các báo cáo tài chính quý 2/2011 của giới ngân hàng công bố, một số công ty chứng khoán cũng đưa ra nhận định, cập nhật nhanh về thông tin ngành tới nhà đầu tư, kèm theo một số bình luận và dự báo.

Trong bản tin cuối ngày, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) nhận định: “Như vậy mặc dù các chính sách tiền tệ tiếp tục bị thắt chặt hơn từ đầu quý 2, tăng trưởng tín dụng bị hạn chế, nhiều ngân hàng vẫn hoàn thành tốt kế hoạch đề ra, thậm chí vẫn duy trì mức tăng trưởng đáng kinh ngạc so với cùng kỳ”.

“Những khó khăn vĩ mô và chính sách dường như chỉ tác động lên các doanh nghiệp đi vay vốn để kinh doanh sản xuất, chứ không tác động đến các ngân hàng cho vay. Tăng trưởng cả nước bị chậm lại đáng kể so với năm ngoái thể hiện rõ gánh nặng mà các doanh nghiệp sản xuất đang phải chịu”, SHS bình luận thêm.

Trong khi đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tp.HCM (HSC) lại có thông tin phân tích khá chi tiết, trong đó tập trung vào hai thành viên lớn là Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBank) và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank), như những điểm nhấn cần thiết cung cấp cho nhà đầu tư thông tin về các blue-chip trên sàn hiện nay.

Với VietinBank (mã chứng khoán: CTG), lợi nhuận trước thuế chưa kiểm toán đạt 3.916 tỷ đồng (tăng 68% so với cùng kỳ năm ngoái). Theo HSC, lợi nhuận tăng trưởng cao nhờ một phần nhờ kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2010 đạt thấp. Theo đó, thu nhập lãi ròng tăng trưởng 73,6% trong 6 tháng đầu năm 2011.

Có một điểm mà HSC đưa ra để nhìn nhận về lợi nhuận của VietinBank là ngân hàng này nhờ chi phí đầu vào tương đối thấp do có thể tiếp cận với kênh tái chiết khấu và có khả năng áp dụng lãi suất cho vay cao. VietinBank đã có thể duy trì được chênh lệch lãi suất thuần cao. Và điều này đã đóng góp vào kết quả kinh doanh khả quan.

“Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng tốc độ tăng trưởng thu nhập sẽ chậm lại trong 6 tháng cuối năm 2011 do thu nhập cùng kỳ năm 2010 là khá cao. Lưu ý rằng tăng trưởng tín dụng đã tăng mạnh trong 6 tháng cuối năm 2010. Chúng tôi cũng dự báo chi phí trích lập dự phòng của CTG cũng sẽ tăng trong năm nay do tỷ lệ nợ phân loại của CTG sẽ tăng mạnh cho tới thời điểm cuối năm”, bản tin của HSC đưa ra dự báo.

Cụ thể hơn, trong 6 tháng đầu năm, các ngân hàng chỉ phải trích lập dự phòng chung mà chưa phải trích lập dự phòng riêng.

Với Eximbank (mã chứng khoán: EIB), LNTT chưa hợp nhất, chưa kiểm toán 6 tháng đầu năm 2011 đạt 1.690 tỷ đồng, tăng trưởng 85% so với cùng kỳ năm ngoái.

Giống như VietinBank, lợi nhuận trước thuế chưa hợp nhất 6 tháng đầu năm 2010 của EIB cũng đạt thấp, một phần tạo nên so sánh với mức tăng trưởng cao đó. Kết quả kinh doanh khả quan của Eximbank 6 tháng đầu năm 2011 xuất phát từ thu nhập lãi thuần và thu nhập từ phí dịch vụ tăng.

Giống như các ngân hàng khác, dư nợ của Eximbank tăng trưởng khá khiêm tốn trong 6 tháng đầu năm 2010. Và dư nợ tín dụng tăng trưởng mạnh tới 44% trong 6 tháng cuối năm 2010 đã tạo đà để thu nhập lãi thuần tiếp tục đạt cao trong 6 tháng đầu năm 2011.

“Tốc độ tăng trưởng này sẽ chậm lại đáng kể trong 6 tháng cuối năm do mất lợi thế so sánh so với cùng kỳ năm ngoái, đồng thời vấn đề chi phí dự phòng cũng nổi lên”, HSC đưa ra dự báo tương tự như với trường hợp của VietinBank cũng như đánh giá thêm, “cho dù vậy, đây vẫn là ngân hàng được quản lý tốt và chúng tôi lạc quan về kết quả kinh doanh trong năm 2011 của EIB”.

Như vậy, theo phân tích của HSC, bên cạnh dự báo tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của hai ngân hàng trên sẽ chậm lại trong nửa cuối năm, do mất lợi thế so sánh với cùng kỳ 2010, thì chi phí trích dự phòng rủi ro tăng lên là đáng chú ý trong nửa cuối năm nay. Đây cũng là một điểm nổi bật trong báo cáo tài chính quý 2 vừa công bố của một “ông lớn” khác là Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank).

Có thể, trong tuần này, một thành viên lớn khác là Ngân hàng Á châu (mã chứng khoán: ACB) cũng sẽ công bố báo cáo tài chính quý 2/2011. Kết quả của ACB thường thu hút sự chú ý của giới đầu tư, bởi đây là một trong những ngân hàng lớn có hiệu quả hoạt động cao trong quá khứ.

▪ Vũ Ca - VnEconomy

Ngân hàng không đầu tư quá 15% vốn vào một công ty con

Theo dự thảo lần hai về thông tư hướng dẫn điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước đưa ra lấy ý kiến, mức góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng tại một công ty con, công ty liên kết không được vượt quá 15% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của tổ chức tín dụng.

Theo đó, tổ chức tín dụng muốn mua cổ phần của một công ty theo hình thức công ty con, công ty liên kết phải được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Theo NHNN, điều kiện về ngưỡng vốn góp, mua cổ phần của tổ chức tín dụng ở một công ty con, công ty liên kết là nhằm đảm bảo số vốn góp tại một công ty con, công ty liên kết chiếm tỷ trọng không quá lớn so với vốn điều lệ và các quỹ của tổ chức tín dụng, đảm bảo đa dạng hóa rủi ro cho tổ chức tín dụng.

Nếu đầu tư vào doanh nghiệp khác theo hình thức danh mục vốn, tổng các khoản đầu tư theo danh mục vốn của tổ chức tín dụng cũng không được vượt quá 15% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của tổ chức tín dụng theo dự thảo trên. Tỷ lệ nợ xấu của tổ chức tín dụng muốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết phải dưới 3% so với tổng dư nợ trong vòng một năm trước thời điểm đăng ký.

Tổ chức tín dụng phải đảm bảo duy trì mức vốn pháp định, sau khi đã trừ khỏi vốn điều lệ phần vốn góp, vốn cổ phần tại công ty con, công ty liên kết, bao gồm cả phần góp vốn, mua cổ phần đang đề nghị được chấp thuận.

Tổng tài sản của tất cả các công ty con và công ty liên kết không được vượt quá 45% tổng tài sản (trên cơ sở hạch toán hợp nhất) của tổ chức tín dụng. Điều kiện này theo NHNN là nhằm hạn chế việc tổ chức tín dụng hoạt động cầm chừng và chỉ chủ yếu hoạt động thông qua việc phân tán ra các công ty con trong khi thực chất tổ chức tín dụng chỉ là vỏ bọc.

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 7, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

Theo dự thảo thông tư, hồ sơ trình NHNN chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng ngoài việc trình bày đáp ứng các điều kiện đối với từng hình thức góp vốn, mua cổ phần tương ứng, còn phải có đề án góp vốn, mua cổ phần với những thông tin cơ bản, tối thiểu về việc góp vốn, mua cổ phần mà tổ chức tín dụng dự kiến thực hiện.

Theo đó, tổ chức tín dụng phải chứng minh được khả năng nâng cao sức cạnh tranh và khả năng đáp ứng nhu cầu của khách hàng sau khi góp vốn, mua cổ phần; tác động và hiệu quả dự kiến của việc góp vốn, mua cổ phần đối với tổ chức tín dụng, các vấn đề về bảo đảm an toàn hoạt động và quản lý rủi ro đối với tổ chức tín dụng...

Trong thời hạn tối đa 40 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của tổ chức tín dụng theo quy định tại dự thảo thông tư này, NHNN phải có văn bản trả lời tổ chức tín dụng.

Theo NHNN, hình thức công ty con (trong đó, ngân hàng con là một hình thức công ty con) là tổ chức tín dụng góp vốn với tỷ lệ lớn, sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp nhận vốn góp, thậm chí là 100%, có quyền chi phối toàn bộ đối với công ty con.

Công ty liên kết là hình thức mà tổ chức tín dụng có mức sở hữu vốn từ trên 11% đến 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp nhận vốn góp nhưng trong nhiều trường hợp lại không nắm quyền kiểm soát.

Hình thức đầu tư danh mục vốn là hình thức tổ chức tín dụng sở hữu mức vốn góp với một tỷ lệ từ 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp nhận vốn góp trở xuống. Hạng mục tài sản này của tổ chức tín dụng thường xuyên có biến động, do vậy, điều kiện ràng buộc đối với loại hình góp vốn, mua cổ phần này không phức tạp như hai hình thức trên.

Nguồn TBKTSG

5 ngân hàng lớn có khả năng không được cho vay chứng khoán

Trong những ngân hàng có tỷ lệ an toàn vốn dưới 10% có đủ 4 "ông lớn" là Agribank, Vietinbank, Vietcombank, BIDV và 1 ngân hàng TMCP là Sacombank.

Cho vay kinh doanh chứng khoán sẽ bị siết chặt hơn

Những ngân hàng này có thể không được cho vay chứng khoán nếu một Thông tư của NHNN được ban hành.

Theo quy định tại dự thảo Thông tư về tỷ lệ an toàn vốn của tổ chức tín dụng (TCTD) thay thế Thông tư 13 và 19 đang được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) lấy ý kiến, điều kiện để TCTD được cho vay chứng khoán là phải đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn (CAR) tối thiểu từ 10% trở lên.

Trong khi đó, theo số liệu thống kê mới đây của Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia, thì hiện 4 ngân hàng (NH) Nhà nước, hoặc có cổ đông Nhà nước nắm quyền chi phối là NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank), NH Công thương Việt Nam (Vietinbank), NH Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) và NH Đầu tư và Phát triển (BIDV) đều chỉ có tỷ lệ an toàn vốn dưới 7%.

Ngoài ra, theo số liệu báo cáo thường niên năm 2010 của NH Thương mại cổ phần Sài Gòn Thường tín (Sacombank), tỉ lệ an toàn vốn của NH này cũng nằm dưới mức 10%.

Như vậy, nếu áp quy định trong dự thảo đang được NHNN xin ý kiến vào thực tế thì cả 5 NH nằm trong top đầu trên sẽ phải ngừng cho vay chứng khoán trong thời gian tới... ■

Theo H.T.

Ngân hàng siết vốn, doanh nghiệp tìm đến tín dụng đen

Không tiếp cận được vốn vay ngân hàng, để tồn tại trong tình hình "nghìn cân treo sợi tóc" như hiện nay, nhiều doanh nghiệp đã nhắm mắt làm liều vay chợ đen với lãi suất lên đến 108% một năm.

Tại hội thảo Giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô và hướng đi cho doanh nghiệp trong tình hình suy giảm kinh tế do Ủy ban Trung ương hội doanh nhân trẻ Việt Nam tổ chức tối 15/7, ông Trần Xuân Mai, Chủ tịch hội doanh nhân trẻ Nam Định cho biết, công ty ông tổ chức sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu ở nhiều địa phương trong nước, sử dụng chủ yếu là người lao động ở nông thôn. Nhưng mấy tháng rồi,

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 7, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

đơn vị không vay được vốn ngân hàng. Dù Nhà nước có chính sách ưu tiên cho doanh nghiệp xuất khẩu nhưng khi đến gõ cửa "các ngân hàng đều than không có vốn để cho vay".

Công ty ông Mai đã ký hợp đồng xuất khẩu trị giá hơn 7 triệu USD. Không vay được tiền của ngân hàng, đường cùng, ông đành ra ngoài vay với lãi suất lên đến 9% một tháng (tương đương 108% một năm) để xoay sở trong lúc khó khăn nhất.

"Chúng tôi luôn mong muốn Nhà nước đã có cơ chế ưu tiên cho doanh nghiệp xuất khẩu hiệu quả vay vốn thì nên ưu tiên cho vay thật chứ không phải trên giấy tờ. Bởi không tìm được vốn vay thì mất đơn hàng, người lao động sẽ mất việc làm", ông Mai nói.

Bà Nguyễn Thị Huệ Lý, Chủ nhiệm câu lạc bộ Doanh nhân trẻ Kom Tum cũng bày tỏ lo ngại khi cho rằng, hiện tồn tại tình trạng doanh nghiệp bong bong, không có tiền để đầu tư, buộc phải vay nóng tín dụng đen để cầm cự.

"Nếu tình trạng này kéo dài, doanh nghiệp sẽ bị vỡ hoang loạt, ảnh hưởng đến nền kinh tế", bà Huệ nhấn mạnh.

Ông Võ Quốc Thắng, Chủ tịch hội thừa nhận, hiện nay doanh nghiệp đang rất vất vả tìm vốn để duy trì sản xuất, ổn định công ăn việc làm cho người lao động.

Một số chuyên gia và nhà quản lý ủng hộ chủ trương siết tín dụng cho rằng thời khắc khó khăn cũng là lúc sàng lọc doanh nghiệp. Tuy nhiên ông Thắng không đồng tình với quan điểm này.

"Vì nếu sàng lọc mà lợi ích rơi vào tay tập đoàn nước ngoài thì phản tác dụng", ông nhấn mạnh.

Đồng quan điểm, chuyên gia kinh tế Huỳnh Bửu Sơn cho rằng, Chính phủ nên xem xét và có chính sách hỗ trợ cho các ngành cần khuyến khích phát triển như sản xuất, xuất khẩu.... chứ không nên giao phó hết cho ngân hàng. Bởi bản thân các nhà băng hiện nay cũng có vấn đề cần giải quyết.

Trong đó, ông lưu ý đến con số tăng trưởng tín dụng của ngân hàng trong những tháng đầu năm. Có khả năng các nhà băng đã dùng hạn mức cho vay để đảo nợ, hạch toán lãi vào vốn gốc...nên tín dụng chỉ tăng trên giấy tờ chứ thực sự không đi vào nền kinh tế. Do đó, doanh nghiệp không tiếp cận được nguồn vốn, dẫn đến tiềm lực tài chính yếu, phải thu hẹp hoạt động, bán bớt dự án hoặc tìm kiếm đến nguồn vốn từ nước ngoài.

"Tranh thủ cơ hội này, các nhà đầu tư ngoại, với thế mạnh về vốn sẽ tăng cường thâm tóm những dự án giá rẻ. Nguy cơ hàng loạt doanh nghiệp nội lọt vào tay

các đại gia ngoại và nằm dưới sự kiểm soát của họ là điều khó tránh khỏi", ông Sơn cảnh báo.

Trước những khó khăn trên, ông Đặng Xuân Huy, Chủ tịch hội doanh nhân trẻ Đồng Tháp cho rằng, Chính phủ nên kéo dài thời gian nộp thuế sang năm sau. Đồng thời có chính sách giảm thuế thu nhập doanh nghiệp để giảm bớt khó khăn cho các công ty vượt qua cơn bão.

Phó chủ tịch Hội doanh nhân trẻ Long An Trịnh Văn Hải cũng kiến nghị, việc thắt chặt tín dụng đối với bất động sản cần xem xét lại. Chẳng hạn đối với các dự án xây dựng Khu công nghiệp là đang tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội nên cần phải có sự ưu đãi.

Đồng quan điểm, ông Cao Tiến Đoan, Chủ tịch hội doanh nhân trẻ Thanh Hóa, cho rằng, Thông tư 19/NHNN đưa ngành chứng khoán và bất động sản vào rủi ro 250% và là loại hình phi sản xuất là chưa hoàn toàn đúng.

Ngoài ra, theo ông, Chính phủ cần rà lại các dự án của các doanh nghiệp đang đầu tư dang dở, nhưng hiệu quả để cung ứng vốn đầu tư tiếp nhằm thu lại lợi nhuận. Đối với những đơn vị trực thuộc Nhà nước cũng cần đánh giá hiệu quả và ngưng bơm tiền nếu dự án không khả thi.

Trong khi đó, ông Phan Đình Tuệ, Phó chủ tịch hội doanh nhân trẻ Đắk Lắk cho rằng, hiện nay, trong khi doanh nghiệp thì đang gồng mình lên tiết kiệm tối đa chi phí thì việc cắt chi tiêu công chưa quyết liệt, và không minh bạch, bởi những số liệu công bố rất chung chung không cụ thể. Ông cho rằng, không phải ngồi xem sổ sách mà cắt được bởi đây là số mệnh của những người lao động thực tế.

"Phải có lộ trình làm, nên coi thử thách này như một cơ hội để cải cách doanh nghiệp nhà nước một cách quyết liệt và rõ ràng hơn. Đồng thời, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa doanh nghiệp công và doanh nghiệp tư nhân", ông Tuệ nói.

Chính sách phù hợp thực tiễn, đồng bộ cũng là mong muốn của ông Nguyễn Trọng Huy, Chủ tịch Hội doanh nhân trẻ Bến Tre. Theo ông Huy, doanh nghiệp sợ nhất là chính sách thiếu sự nhất quán, khiến nhiều chính sách đẹp nhưng rất "cô đơn".

"Có nhất thiết phải điều chỉnh giá xăng, giá điện gần như cùng lúc với tỷ giá với mức rất cao như vừa qua. Nếu chính sách được thiết kế đứng trên lợi ích của toàn nền kinh tế và trong khoảng thời gian dài thì sẽ có sức thuyết phục hơn nhiều", ông chia sẻ.

M&A lĩnh vực ngân hàng bắt đầu nổi sóng

Mặc dù TTCK nói chung đang khá trầm lắng, nhưng thực tế hoạt động mua bán, sáp nhập (M&A) trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng đang dần sôi động. Một số ngân hàng nhỏ đã tìm cách kêu gọi cổ đông lớn để hoàn tất kế hoạch tăng vốn lên 3.000 tỷ đồng vào cuối năm nay.

Việc tăng vốn theo lộ trình tại Nghị định 141/2006/NĐ-CP đáng ra đã khép lại vào cuối năm trước, song do một số nhà băng nhỏ không đủ lực tăng vốn trước diễn biến thị trường khó khăn nên Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cho phép gia hạn đến cuối năm 2011. Nhưng không phải vì thế mà việc tăng vốn lên 3.000 tỷ đồng ở một số ngân hàng nhỏ diễn ra suôn sẻ, bởi giá cổ phiếu ngân hàng vẫn trong tình trạng sụt giảm khi diễn biến TTCK không thuận lợi. Nhà đầu tư ít quan tâm đến cổ phiếu nhà băng.

Vì thế, việc tăng vốn của một số ngân hàng nhỏ phải trông chờ vào cổ đông lớn hiện hữu, cũng như kỳ vọng thu hút thêm cổ đông chiến lược mới trong và ngoài nước. Đơn cử như OCB, với mức vốn điều lệ 2.600 tỷ đồng trong đầu năm 2010, Ngân hàng đã lên kế hoạch nâng lên 3.000 tỷ đồng. Trong đó, một phần vốn được bán cho cổ đông chiến lược nước ngoài sẵn có là BNP Paribas (PNPP). Đầu tháng 7/2011, kế hoạch này của OCB đã được NHNN chấp thuận.

Mới đây, SouthernBank và VIB cũng được Thống đốc NHNN ra văn bản chấp thuận về việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài. Theo đó, SouthernBank được chấp thuận tăng vốn điều lệ từ 3.049 tỷ đồng lên trên 3.212 tỷ đồng thông qua chào bán cổ phần riêng lẻ cho UOB với tỷ lệ sở hữu cổ phần là 20% vốn điều lệ của SouthernBank, thay vì 15% trước đó. Tương tự, VIB cũng vừa được NHNN chấp thuận tăng vốn điều lệ từ mức 4.000 tỷ đồng lên 4.250 tỷ đồng thông qua chào bán cổ phần riêng lẻ cho Commonwealth Bank (CBA), với tỷ lệ sở hữu cổ phần CBA được nâng từ 15% lên 20% vốn điều lệ của VIB...

Bên cạnh đó, mới đây còn có một số thương vụ M&A giữa ngân hàng cổ phần trong nước với các tập đoàn tài chính nước ngoài như: IFC mua 10% của Vietinbank. Đồng thời, Vietinbank dự định bán tiếp 15% cổ phần cho Bank of Nova Scotia của Canada vào quý III/2011. Vietinbank dự kiến mua 30% cổ phần tại Ngân hàng phát triển Lào; ABBank bán 600 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi cho IFC và Maybank; Shinhan Financial Group (SFG) quyết định sẽ mua lại toàn bộ cổ phần của VCB trong Shinhan Vina Bank...

Thế nhưng, sau giai đoạn khủng hoảng tài chính, việc tìm kiếm đối tác chiến lược nước ngoài không còn dễ như trước, nhất là đối với các nhà băng nhỏ. Vì thế, không ít nhà băng đã tìm đến các cổ đông có tiềm lực lớn trong nước.

Điển hình như Ngân hàng G có trụ sở tại TP. HCM, sau khi cổ đông nhà nước là Vietcombank thoái vốn, nhà băng này đã nhanh chóng tìm được đối tác nặng ký ở thị trường nội địa là một tập đoàn trong lĩnh vực quản lý quỹ và kinh doanh chứng khoán. Tỷ lệ nắm giữ của các thành viên trong tập đoàn trên ở Ngân hàng G dù không được tiết lộ công khai, nhưng theo một nguồn tin đáng tin cậy thì lượng cổ phần mà hai bên đã thỏa thuận mua bán chiếm gần 30% vốn điều lệ của Ngân hàng. Do đó, trong ĐHCĐ Ngân hàng G diễn ra vào tháng 4/2011, một đại diện tập đoàn trên đã được bầu làm thành viên HĐQT của nhà băng này.

Hiện vốn điều lệ của Ngân hàng G vẫn ở mức 2.000 tỷ đồng, nhưng kế hoạch tăng lên 3.000 tỷ đồng vào cuối năm nay khi lộ trình tăng vốn theo Nghị định 141 khép lại là điều được HĐQT nhà băng khẳng định chắc chắn kể từ sau khi có sự góp vốn của cổ đông lớn nói trên.

Xu hướng M&A trong ngành ngân hàng đang có dấu hiệu tăng lên, dù các thương vụ mua bán với cổ đông trong nước chưa được công bố một cách công khai, minh bạch. Với Thông tư số 04/2010/TT-NHNN quy định về việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng, các chuyên gia trong lĩnh vực M&A cho rằng, khung pháp lý M&A ở ngành ngân hàng đã rõ ràng hơn so với trước. Khi cạnh tranh trên thị trường ngày một gay gắt, các ngân hàng, nhất là các đơn vị có quy mô nhỏ phải tái cấu trúc lại hoạt động, do đó việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại là tất yếu.

Mekong Bank là một điển hình sau khi bán cổ phần cho Maritime Bank cùng nhóm cổ đông lớn của nhà băng này gần 49%, ngân hàng này đã bán tiếp cho đối tác chiến lược nước ngoài là Công ty Đầu tư tài chính Fullerton Financial Holdings (FFH) - thuộc Tập đoàn Temasek Holdings Pte.Ltd (Singapore) 15% số cổ phần vào cuối năm qua. Đồng thời, MeKongBank và đối tác trên có kế hoạch nâng mức sở hữu này lên 20% trong năm 2011. Đây cũng là một sự kiện đánh dấu thành công của MeKongBank trong nỗ lực tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng.

Hoạt động M&A trong lĩnh vực ngân hàng là một xu hướng tất yếu, nhưng theo TS. Nguyễn Mạnh Dũng, Phó tổng giám đốc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, cho dù đang khá sôi động và Thông tư 04 đã quy định những hành lang pháp lý cơ bản cho hoạt động này, nhưng những quy định cần cụ thể hơn và ý chí của các cơ quan quản lý cũng cần quyết liệt hơn. Chỉ có như vậy, hoạt động M&A trong lĩnh vực ngân hàng mới phát triển theo hướng công khai hơn.

Một lãnh đạo của NTK Capital Partners cũng nhận định, M&A lĩnh vực ngân hàng đã diễn ra khá lâu và tiếp tục có sóng ngầm trên thị trường, nhưng hiện chỉ mới dừng lại ở việc mua được một tỷ lệ cổ phần nhất định và chưa có nhà băng nào sáp nhập hoặc mua lại toàn bộ ngân hàng khác. Bởi với quy định hiện nay, việc mua lại toàn bộ một ngân hàng là không dễ dù đây là lĩnh vực được nhiều người quan tâm.

Thùy Vinh - ĐTCK-online

“Ngân hàng quá yếu thì phải bị đào thải”

Quy luật phát triển thị trường phải được tôn trọng, ngân hàng nào quá yếu thì phải bị đào thải theo quy luật. Thời gian tới cần phải đẩy mạnh tái cơ cấu hệ thống các ngân hàng thương mại.

Đây là quan điểm của ông Vũ Viết Ngoạn, tân Chủ tịch Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, đưa ra khi trao đổi với VnEconomy và báo chí bên lề hành lang Quốc hội sáng nay (29/7).

Thưa ông, trong các giải pháp 6 tháng cuối năm Chính phủ có đặt vấn đề tái cơ cấu hệ thống ngân hàng. Việc này theo ông nên làm thế nào?

Vấn đề tái cơ cấu được đặt ra khá lâu rồi, hiện nay đã có đề án và Ngân hàng Nhà nước cũng chuẩn bị lâu rồi, nhưng cần phải có quá trình vì tính chất phức tạp và nhạy cảm của nó. Đã đến lúc điều kiện tương đối chín muồi để có thể thực thi các giải pháp quyết liệt hơn.

Giải pháp chung thì đã thực hiện như nâng vốn pháp định lên, áp tiêu chuẩn theo chuẩn mực an toàn quốc tế, còn tới đây sẽ đi vào từng ngân hàng và cần thiết phải có đề án cụ thể hơn.

Phải đặt vấn đề cơ cấu, bởi vì hệ thống tài chính nói chung, hệ thống ngân hàng nói riêng cần phải tăng cường mạnh hơn nữa. Trước khi khủng hoảng tài chính thế giới thì vốn dĩ hệ thống tài chính Việt Nam vẫn coi là yếu. Bây giờ trên thế giới người ta đang cơ cấu lại, đã tăng cường nâng cao năng lực hệ thống tài chính, Việt Nam nếu không đẩy nhanh hơn nữa thì khoảng cách càng doãng ra hơn nữa. Cho nên đó là yêu cầu hết sức là lớn, nhất là khi các tiêu chí an toàn trong hệ thống ngân hàng tài chính thế giới nó đã thay đổi, nâng cấp lên rồi. Không theo kịp được thì hết sức khó khăn, cho nên phải đẩy nhanh hơn nữa.

Vậy việc tái cơ cấu nên theo hướng nào? Đúng là mình hiện nay có một số ngân hàng nhỏ, năng lực tài chính yếu và không phải chỉ có vấn đề năng lực tài chính yếu mà năng lực quản lý cũng yếu. Điều đó là phải thừa nhận. Phải làm thế nào để quy luật phát triển của thị trường được tôn trọng, nghĩa là ông nào yếu quá thì quy luật phải đào thải.

Tất nhiên trong bối cảnh kinh tế khó khăn, tâm lý xã hội đang nặng nề. Lâu nay vẫn có tâm lý họ đang e ngại, nếu một ngân hàng đổ vỡ thì có thể gây ra hệ thống dây chuyền. Thời điểm hiện nay có thể chưa thích hợp lắm nhưng rồi đến một thời điểm nào đó cũng phải cho nó trở lại theo đúng quy luật: nền kinh tế thị trường thì phải tôn trọng quy luật phát triển của thị trường. Mọi định chế, mọi tổ chức, cá nhân trong đấy đều phải ứng xử theo quy luật của thị trường, cho nên anh nào tốt thì phát triển mà anh nào không tốt thì phải bị đào thải.

Cũng có anh không tốt, anh yếu kém nhưng anh cứ dùng tiền xã hội tiêu pha lãng phí cho nên phải nâng chuẩn lên, anh nào không đạt chuẩn thì phải đào thải. Đây là một yêu cầu phải đặt ra và trong khi tạm thời chưa đến mức độ đó thì phải hỗ trợ cho họ thế nào đó, cách thức thế nào đó, quản lý họ, kiểm soát họ để hạn chế sự phát triển nó lớn quá thì sau này cái đỡ vỡ nó nặng nề hơn, lớn hơn, khó khăn hơn.

Theo ông, thực hiện tái cơ cấu hệ thống ngân hàng lúc này có những khó khăn gì?

Khi mà nói đến tái cơ cấu thì bất cứ đối tượng nào đều khó khăn cả. Doanh nghiệp nhà nước khó khăn, doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước cũng khó khăn và đối với định chế tài chính thì càng khó khăn hơn bởi tính chất của nó là tính chất phức tạp và nhạy cảm.

Nhưng cũng phải ghi nhận quan điểm không thể nóng vội được, mình phải làm theo đặc thù của Việt Nam. Như ở nước ngoài thì trái luật cái người ta có thể làm ngay, nhưng ở mình thì khác, xã hội của mình, nhận thức thị trường của mình còn hạn chế lắm, thí dụ như kinh tế chứng khoán, một cái tin đồn thôi cũng đang còn nháo nhào lên. Những thông tin chính thức, thông tin mang tính chất tạo điều kiện cho thị trường phân tích thì họ phân tích còn ít. Tính chuyên nghiệp không cao cho nên hết sức khó khăn.

Với quan điểm của ông, đâu là những tiêu chí để tái cấu trúc hệ thống ngân hàng?

Đơn giản là áp dụng tiêu chí quốc tế nhưng không nên cứng nhắc, cần có điều chỉnh một chút cho hợp lý nhưng cần xây dựng lộ trình, kế hoạch dài hạn và cần có mốc từng thời gian một để đạt các tiêu chí đó, chứ không nên roẹt cái áp dụng các tiêu chí luôn thì sẽ khó và tính khả thi sẽ thấp.

Một trong các kiến nghị của Ủy ban Kinh tế là giảm tác động mệnh lệnh hành chính trong hoạt động ngân hàng. Vậy làm thế nào để giảm?

Cái này đã tranh luận hết sức sôi nổi tại nghị trường. Hai tư duy đưa ra là tôn trọng quy luật thị trường và cũng có nhiều ý kiến là chưa thể thực hiện được trong điều kiện hiện nay mà phải sử dụng cả công cụ hành chính.

Ngay cả lãi suất cơ bản thì khi cần Ngân hàng Nhà nước cũng được phép áp dụng lãi suất trần để điều hành. Hiện nay thì cần áp dụng hành chính nhưng lâu dài thì không hiệu quả, mà cần áp dụng các biện pháp chính sách và biện pháp kinh tế. Ông có nói đến cơ chế áp trần lãi suất, Chính phủ cũng đã thừa nhận lãi suất huy động VND thời gian qua đã vượt trần. Ông nhìn nhận điều này như thế nào? Phải ghi nhận một điều là trong điều hành thực tế đã có quy định lãi suất trần nhưng lãi suất thực tế đã vượt quá 14%/năm. Nhưng phải chia sẻ với ngân hàng là nếu cứ nâng trần lên thì chính sách phải chạy theo thị trường, trong khi chính sách phải điều

tiết thị trường. Nhưng kỳ thực là chưa làm được cái điều đó, cũng hiểu là ngân hàng không kiểm soát được cái chỗ đó.

Về lãi suất, từ đầu năm Thủ tướng có nói là dùng lãi suất là công cụ để kiềm chế lạm phát, rồi tiếp đó là quan điểm chờ lạm phát giảm để giảm dần lãi suất. Ông nhìn nhận vấn đề này như thế nào?

Chính sách tiền tệ là công cụ vĩ mô, mà công cụ quan trọng là lãi suất. Tăng lãi suất để giảm nhu cầu vay tiền và tăng sức hút gửi tiền, thì khi nào tín hiệu lạm phát giảm thì công cụ này sẽ được điều tiết mềm mại đi, chứ còn hiện nay thì chưa nói lỏng được.

Đúng là một mong muốn của Chính phủ và có lẽ còn là của các nhà kinh tế, nhiều người, là làm thế nào để lãi suất thấp tạo điều kiện cho doanh nghiệp Việt Nam cạnh tranh tốt. Nhưng phải nhìn nhận chính sách tiền tệ trước hết phải thực hiện mục tiêu là chống lạm phát.

Trong điều kiện lạm phát đang như thế này thì phải tăng lãi suất để thắt chặt chính sách tiền tệ. Bây giờ nó có điểm là trong khi chờ lãi suất giảm được thì kinh tế vĩ mô phải ổn định, đó là điểm đầu tiên. Cái thứ hai là phải tăng cường quản lý giám sát hoạt động thị trường ngân hàng.

Câu chuyện lúc này vừa nói một số ngân hàng yếu kém, do năng lực tài chính yếu, quản trị rủi ro yếu cho nên họ lâm vào tình thế thanh khoản khó khăn, vì vậy họ huy động bất kỳ lãi suất nào để họ đáp ứng nhu cầu tài chính của họ. Từ cái đấy nó đẩy ra việc ép các ngân hàng khác phải chạy theo họ, nhất là trong giai đoạn chính sách tiền tệ đang thắt chặt.

Cho nên đi liền với tập trung ổn định kinh tế vĩ mô để có thể lãi suất nó hạ được xuống thì phải quản lý thị trường sao cho tốt, quản lý hệ thống ngân hàng cho tốt. Ngay cả từng ngân hàng cũng phải quản lý chi phí của các ngân hàng bởi vì nếu không tập trung quản lý các chi phí thì giá thành nó cao và lãi suất cũng sẽ cao.

Cho nên đối với các ngân hàng quản lý có mấy cái, một là với các ngân hàng yếu kém không để cho nó lây lan virus, thứ hai từng ngân hàng phải quản lý chi phí của mình cho nó tốt; cuối cùng là các cơ quan hoạch định chính sách cũng phải tập trung vào yêu cầu quản lý đó.

Tín dụng ngoại tệ có phải là “tội đồ”?

Thông tin Ngân hàng Nhà nước đang tính chuyện “hãm phanh” tín dụng ngoại tệ có vào cuối tuần qua có thể khiến cả ngân hàng và doanh nghiệp bần khoản.

Cung ảo và áp lực cầu đao hạn?

Năm 2010, tăng trưởng tín dụng bằng ngoại tệ vọt lên tới 37,76%. Thực ra, do trước đó tăng trưởng loại này rất thấp, thậm chí có trạng thái âm trong nửa đầu năm 2009, nên con số tuyệt đối tăng lên chưa hẳn là quá lớn. Nhưng, diễn biến nửa đầu năm 2011 tiếp tục cho thấy sự bùng nổ thực sự; tính đến 10/6, tăng trưởng tín dụng ngoại tệ đã lên tới 22,21% so với đầu năm.

Diễn biến trên khiến các dòng chảy thông tin những ngày gần đây dồn dập những lo ngại, dù không mới. Đó là việc doanh nghiệp đổ xô vay ngoại tệ, bán lại để lấy VND tranh thủ chênh lệch lãi suất lớn, tạo nên cung ảo và dồn áp lực cầu ngoại tệ khi các khoản vay đao hạn vào cuối năm, gây bất lợi cho tỷ giá USD/VND...

Lo ngại này được dẫn chứng bằng thực tế leo thang của tỷ giá USD/VND trong những tháng cuối năm 2010, sau khi tín dụng ngoại tệ đã tăng trưởng đột biến. Về dẫn chứng đó, hiện chưa có các dữ liệu tổng hợp, phân tích một cách chuyên biệt công bố để tạo cơ sở khẳng định hay phủ nhận. Còn tham khảo ý kiến của một số cán bộ tín dụng ngân hàng, khó để có một “cuộc hẹn lớn” đao hạn tín dụng ngoại tệ vào cuối năm như vậy và dồn lại để cùng lúc tạo áp lực cầu lên tỷ giá. Lý do, hoạt động giải ngân và trả nợ, hay tăng trưởng tín dụng, là trải khá đều trong năm, chủ yếu là các khoản vay ngắn hạn gối đầu nhau; bản thân các doanh nghiệp cũng chủ động vay ngắn hạn để dự phòng các cú sốc tỷ giá.

Lo ngại về áp lực trên cũng cần xét đến ở quy trình chuyển đổi của các dòng vốn, từ tín dụng sang thương mại và ngược lại.

Vay ngoại tệ thời gian qua chủ yếu là các doanh nghiệp xuất khẩu, họ có nguồn thu ngoại tệ trong tương lai. Vay ngoại tệ đổi ra VND đưa vào sản xuất kinh doanh lúc này, khi đao hạn họ có nguồn ngoại tệ thu từ xuất khẩu về đã cân đối để trả nợ. Vòng quay này thời gian qua vẫn được gọi là một cách “tạm ứng tương lai”. Áp lực cầu ngoại tệ thương mại khi các hợp đồng đao hạn ở đây là hạn chế, ngoại trừ hạn mức vay vượt quá nguồn thu - điều này được tổ chức tín dụng giám sát theo cơ chế quy định.

Ngay cả với nhu cầu vay ngoại tệ để đổi lấy VND đưa vào sản xuất kinh doanh không có nguồn thu ngoại tệ đối ứng trong tương lai, áp lực cầu khi đao hạn cũng không hẳn quá lo ngại. Họ vay ngoại tệ, bán lại cho ngân hàng, khi cần ngoại tệ trả nợ, ngân hàng “trả lại” chính nguồn họ đã bán trước đó. Ở đây là sự cân đối khá cân bằng,

ngoại trừ biến động của tỷ giá ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp. Vòng quay quy đổi của các nhu cầu tín dụng nói trên sẽ phản ánh ở trạng thái ngoại tệ của các ngân hàng thương mại, mà sau đó là trạng thái dự trữ ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước. Cơ quan này là người mua bán sau cùng của vòng quay (nhưng sẵn sàng can thiệp bất cứ lúc nào cần). Trạng thái ngoại tệ tăng - giảm theo vòng quay của sự quy đổi đó. Sự tăng - giảm là bình thường, thật khó để đòi hỏi dự trữ ngoại tệ luôn tăng khi nhập siêu triền miên, hay cán cân tổng thể luôn thâm hụt lớn. Áp lực đáng lo ngại nhất trong rủi ro tín dụng vẫn là nhu cầu dùng để thanh toán hàng nhập khẩu mà không có nguồn thu ngoại tệ đối ứng. Đi cùng với đó là cầu ngoại tệ thương mại cho nhập khẩu, và phía sau đó là tình trạng nhập siêu. Thời gian qua năm nào cũng cần tới 12 - 18 tỷ USD để bù đắp, trong khi vẫn còn tình trạng nguồn ngoại tệ bị găm giữ trong dân cư và doanh nghiệp. Đây mới chính là những “tội đồ” của tỷ giá, hơn là “đổ cho” cả rủi ro tín dụng ngoại tệ.

Chặn hay nắn dòng vốn rẻ?

Thực ra không phải đến lúc này Ngân hàng Nhà nước mới tính đến chuyện siết lại tín dụng ngoại tệ.

Ngay từ tháng 6/2010, cơ quan này đã vào cuộc khi tăng trưởng cho vay loại này bắt đầu bùng nổ. Một văn bản tăng cường quản lý liên quan đã được gửi tới các tổ chức tín dụng tại thời điểm đó, bên cạnh việc phối hợp với Bộ Công Thương hạn chế cấp tín dụng ngoại tệ cho nhập khẩu.

Đầu năm 2011, định hướng trên tiếp tục được cụ thể ở cơ chế cho vay bằng ngoại tệ mới được ban hành; trong đó, điều kiện căn bản là đối tượng vay phải có và cam kết, chứng minh có nguồn ngoại tệ đối ứng để trả nợ. Việc lách quy định để vay dẫn đến tạo cung ảo, tạo áp lực cầu khi đáo hạn lại là vấn đề của quản lý và giám sát. Còn với các nhu cầu vay ngoại tệ đúng theo quy định hiện hành (có nguồn đối ứng để trả nợ), họ đang có một dòng vốn rẻ.

Tại hội thảo của Ngân hàng Quốc Tế (VIB) hồi đầu năm, lãnh đạo chuyên trách của ngân hàng này cho biết họ vẫn tư vấn cho các doanh nghiệp xuất khẩu nên vay ngoại tệ, bởi chênh lệch lãi suất giữa vay VND với USD quá lớn và có thể “khấu hao” rủi ro biến động tỷ giá trong ngắn hạn...

Như những phân tích thời gian qua, tín dụng ngoại tệ lãi suất thấp đang tạo dòng vốn rẻ hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cạnh tranh về giá trên thị trường thế giới, rộng hơn là góp phần hạn chế nhập siêu. Và khi các nhà xuất khẩu tập trung vay ngoại tệ sẽ giảm tải cho nhu cầu vay vốn VND, tạo thêm một yếu tố hỗ trợ cho khả năng giảm lãi suất VND... Nhưng nay, thông điệp “hãm phanh” tín dụng ngoại tệ tiếp tục được phát đi, có thể dòng vốn rẻ đó sẽ bị thu hẹp.

Đối tượng “siết” có lẽ sẽ là dòng tín dụng đáp ứng các nhu cầu nhập khẩu, đặc biệt là những trường hợp không có nguồn thu ngoại tệ đối ứng từ sản xuất kinh doanh mà phải mua từ các ngân hàng khi trả nợ. Nhóm này vốn đã có chủ trương “siết” chặt từ giữa năm 2010.

Hiện chưa rõ Ngân hàng Nhà nước sẽ điều chỉnh như thế nào, bằng các công cụ nào, hay bằng các mệnh lệnh hành chính, đánh đồng các đối tượng hay sẽ có sự phân định cụ thể...

Còn trên thực tế những năm gần đây, rào cản lớn nhất mà thị trường tạo ra đối với tín dụng ngoại tệ là những cú sốc tỷ giá và khoảng cách của chênh lệch lãi suất. Hiện tại, cùng với mức chênh lệch lãi suất vay VND với USD đang rất lớn, tỷ giá bình quân liên ngân hàng đứng yên cả tháng qua, thì nhu cầu vay ngoại tệ sẽ vẫn còn lớn.

Minh Đức - Vneconomy

Lại chuyện lãi suất vượt trần: Ngân hàng khó ăn nói?

Tình trạng vượt trần lãi suất huy động lại lan sang tiền gửi USD, theo những thông tin phản ánh gần đây. Nhưng những ngân hàng “lách” trần sẽ giải thích thế nào khi chốt sổ?

Đến thời điểm này, tình trạng lãi suất huy động VND vượt trần quy định 14%/năm đã lần lượt được các cấp, cơ quan chức năng thừa nhận. Một lần nữa, trong tài liệu gửi các đại biểu Quốc hội phục vụ cho kỳ họp khai mạc sáng nay (21/7), vấn đề này cũng được đề cập tới.

Không phải lúc này, mà câu chuyện lãi suất vượt trần đã kéo dài trong thời gian qua, từ tháng 3/2011 - khi cơ chế áp trần chính thức được luật hóa.

Những ngày gần đây, nhiều kênh thông tin chính thống lại tiếp tục phản ánh tình trạng trên lan sang tiền gửi USD đối với dân cư, vượt mức trần 2%/năm quy định. Trao đổi bên lề về hoạt động ngân hàng thời gian qua, tổng giám đốc một ngân hàng lớn tại Hà Nội nói vui rằng: có lẽ để kinh doanh được phải biết “lách” một chút. Ngân hàng có nhiều cách khác nhau để hợp thức việc “lách” trần. Nhưng họ sẽ giải thích thế nào cho hợp lý với cổ đông về kết quả kinh doanh, ít nhất là trong 6 tháng đầu năm nay, hay chốt lại năm 2011.

Với chính sách tiền tệ thắt chặt, hoạt động kinh doanh khó khăn, dự kiến năm nay sẽ có nhiều nhà băng không đạt chỉ tiêu lợi nhuận, hoặc buộc phải điều chỉnh lại chỉ tiêu lợi nhuận. Thế nhưng, một câu hỏi trực quan là: họ nói gì khi có chênh lệch lãi suất rất lớn?

Trên biểu niêm yết, lãi suất huy động VND chỉ tối đa 14%/năm, trong khi lãi suất cho vay có từ 20%, thậm chí 22% - 25%/năm; lãi suất huy động USD tối đa chỉ 2%/năm nhưng lãi suất cho vay lên tới 6% - 8%/năm. Rõ ràng, các ngân hàng đã hưởng chênh lệch lãi suất rất lớn, cao nhất tới cả chục phần trăm như vậy, sao lợi nhuận lại khó?

Với chênh lệch đó, nhiều năm trước các ngân hàng cũng không “mơ” được, vậy sao năm 2011 lợi nhuận lại khó, hay kinh doanh khó? Năm 2005, chênh lệch giữa lãi suất cho vay với lãi suất huy động bình quân chỉ là 3,42%/năm, năm 2006 chênh lệch bình quân là 4,63%/năm, 2007 là 4,45%/năm, 2008 là 4,62%/năm. Năm gần nhất 2010 cũng chỉ được bình quân khoảng 2,5%/năm.

Rõ ràng, việc giải trình chênh lệch giữa lãi suất cho vay với lãi suất huy động từ cỡ 6% - 7%/năm, thậm chí lên đến cả chục phần trăm như vậy là một thực tế các ngân hàng phải đối mặt. Bởi nếu anh nói do chi phí đầu vào cao, lãi biên thực tế không được như vậy thì có phải do lãi suất huy động vượt trần? Còn nếu thừa nhận được chênh lệch đến như vậy, anh phải đối mặt thế nào với vấn đề đạo đức kinh doanh khi thu chênh lệch quá cao trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp, người dân gặp khó khăn.

Câu chuyện này không mới. Đặt ra khoảng chênh lệch lãi suất lớn như vậy là trên sổ sách, nhưng “ngô nghê” với thực tế. Nhưng qua đó cho thấy, nhìn nhận và thừa nhận lãi suất huy động vượt trần không phải quá khó, không hẳn chỉ có ở việc thanh tra với các bằng chứng của cơ quan chuyên trách. Cái khó là việc hạn chế hoặc khắc phục nó.

Thế nên, một lần nữa câu hỏi mà cách đây khoảng một tháng đã thu hút sự quan tâm của công chúng vẫn cần đặt ra: liệu cơ chế trần lãi suất có sự điều chỉnh nào không, hay bàn chân phải gầy đi cho vừa giày, hay vẫn chấp nhận tính pháp lý của chính sách không được nguyên vẹn?

Minh Đức – Vneconomy

Lãi suất vẫn là rào cản đối với tăng trưởng tín dụng

(ĐTCK-online) Mặc dù phải kiểm soát chặt tăng trưởng tín dụng dưới mức cho phép 20%, song không ít ngân hàng, nhất là những đơn vị còn "room" tăng trưởng dư nợ cho biết, không dễ cho vay trong bối cảnh áp lực lãi suất còn cao.

Theo các ngân hàng, đẩy mạnh vốn cho vay trong lúc này là rất khó, bởi lãi suất cho vay thỏa thuận vẫn là rào cản đối với khách hàng có dự án kinh doanh khả thi muốn tiếp cận vốn vay. Mức 21 - 22%/năm áp dụng cho lãi suất thỏa thuận tiền đồng trong bối cảnh thị trường còn có những khó khăn nhất định là điều được DN cân

nhắc kỹ lưỡng. Vì khả năng sinh lời trong kinh doanh khó có thể bù đắp chi phí hoạt động cũng như trả lãi vay cho ngân hàng ở mức cao hiện nay.

Trong khi đó, các ngân hàng cũng sàng lọc khách hàng kỹ hơn trước, nhằm đảm bảo mục tiêu kiểm soát tăng trưởng dư nợ Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đưa ra cho năm 2011, cũng như hạn chế rủi ro nợ xấu gia tăng. Thực tế, nợ quá hạn của toàn ngành ngân hàng cuối năm 2010 là 2,17%, nhưng đến tháng 5/2011 đã là 2,72%. Với tình hình kinh tế thế giới và trong nước như hiện nay, nợ xấu tăng lên là điều có thể dự đoán. Điều này dẫn đến việc tín dụng khó tăng trưởng như ý muốn, thậm chí một số nhà băng còn tính đến khả năng dư "room" tín dụng trong năm nay.

Hơn 6 tháng đầu năm nay, dư nợ tín dụng của Sacombank chỉ mới tăng khoảng 3% so với cuối năm 2010. Như vậy, ngân hàng này còn nhiều dư địa cho tăng trưởng dư nợ trong hơn 5 tháng còn lại của năm. Đây cũng được xem là mùa cao điểm nhất trong năm để các ngân hàng phát triển hoạt động cho vay, khi nhu cầu vốn của DN phục vụ mùa sản xuất - kinh doanh cuối năm tăng lên. Thế nhưng, theo Tổng giám đốc Sacombank, ông Trần Xuân Huy, điều đó chưa hẳn dễ thực hiện trong bối cảnh thị trường hiện nay cũng như dự báo những tháng cuối năm 2011 còn nhiều thách thức cho hoạt động của ngân hàng. Lãi suất tiết kiệm chưa thể sớm giảm như kỳ vọng nên cho vay ra không dễ.

Tương tự, dư nợ tín dụng của DongA Bank trong hơn 6 tháng đầu năm chỉ mới tăng khoảng 8% so với cuối năm trước. Phần còn lại sẽ được Ngân hàng phân bổ trong 5 tháng cuối năm. Lãi suất cho vay thỏa thuận tiền đồng được DongA Bank áp dụng dao động 21 - 22%/năm. Tuy nhiên, theo lãnh đạo Ngân hàng, cho vay ra lúc này rất khó.

"Trên thực tế, trong lúc này cũng có nhiều khách hàng cần vốn, nhưng không phải vì thế mà chúng tôi đẩy mạnh cho vay. Bởi nếu không thận trọng thì rủi ro nợ xấu sẽ gia tăng. Còn với những DN làm ăn tốt, có dự án kinh doanh khả thi thì áp lực lãi suất thỏa thuận khiến họ ngại tiếp cận vốn. Nhưng muốn giảm lãi suất đầu ra cũng khó khi lãi suất đầu vào chưa thể hạ", lãnh đạo DongA Bank nói.

Agribank, Vietinbank, Vietcombank... là những ngân hàng còn dư địa cho vay khá lớn, vì "room" tín dụng 20% chưa được sử dụng nhiều trong những tháng đầu năm.

Không chỉ với nhà băng lớn mà ngay cả nhiều ngân hàng nhỏ hiện cũng còn "room" tín dụng cho vay, dù phải từng bước siết chặt tín dụng phi sản xuất để đảm bảo tỷ lệ 16% vào cuối năm nay. OCB, WesternBank đều cho biết, tăng trưởng tín dụng trong hơn 6 tháng qua rất chậm. Theo lãnh đạo OCB, để phát triển được tín dụng trong những tháng tới là điều rất khó khăn, vì áp lực lãi suất vẫn khiến khách hàng ngại. Còn nếu muốn giảm lãi suất đầu vào khi áp lực lạm phát chưa giảm như kỳ vọng là không thể. Đồng thời, nếu trao vốn cho khách hàng với lãi suất cao, nhưng

không kiểm soát chặt chất lượng tín dụng, đòi hỏi các nhà băng phải tăng dự phòng rủi ro. Mặt khác, do số tuyệt đối về tăng trưởng tín dụng của ngân hàng nhỏ hiện còn khá khiêm tốn và không thể mở rộng cho vay ở lĩnh vực phi sản xuất, nên dư nợ tín dụng khó tăng như kỳ vọng.

Lãi suất cao ảnh hưởng sản xuất - kinh doanh và điều này thực tế đã diễn ra hơn nửa năm qua, nhưng đến nay vẫn chưa giảm. Nhưng nếu đưa lãi suất xuống nhanh hơn thì lượng tiền ra nhiều hơn, tác động lên thị trường ngoại tệ và tăng nguy cơ lạm phát do cung tiền.

Tuy nhiên, một lãnh đạo cấp cao của NHNN lại cho rằng, khi lãi suất cao khiến khách hàng ngại vay vốn thì ngân hàng mới thừa vốn. Một khi vốn khả dụng dư thừa, không cho vay ra được, các nhà băng sẽ phải từng bước điều chỉnh lãi suất. Đặc biệt là khi lãi suất tiền đồng được dự báo sẽ giảm nhiệt dần trong những tháng tới khi lạm phát được kiểm soát ở mức hợp lý.

"Lãi suất sẽ theo xu hướng giảm dần khi chỉ số giá tiêu dùng giảm nhiệt, đồng thời NHNN sử dụng triệt để công cụ của chính sách tiền tệ để tác động hạ lãi suất", vị lãnh đạo cấp cao của NHNN nói và cho biết thêm, nếu tăng trưởng tín dụng tính đến cuối tháng 7 ước đạt 10% là mức phù hợp trong bối cảnh hiện nay.

Thùy Vinh - ĐTCK-online

Eximbank vào top 25 ngân hàng tăng tài sản nhanh nhất thế giới

Eximbank là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á được chọn vào top 25 ngân hàng có tốc độ tăng trưởng tài sản cao nhất thế giới.

Theo thông tin từ tạp chí The Banker vừa công bố, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) đã được tạp chí này xét chọn là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam và trong khu vực Đông Nam Á lọt vào bảng xếp hạng 25 ngân hàng có tốc độ tăng trưởng tài sản cao nhất thế giới.

Năm 2010, tổng tài sản của Eximbank đạt tới 131.111 tỷ đồng, tăng tới 100,3% so với cuối năm 2009 và hoàn thành 149% kế hoạch. Năm 2011, ngân hàng này đạt chỉ tiêu tổng tài sản đạt 180.000 tỷ đồng, tăng 37% so với năm 2010.

Bên cạnh đó, The Banker cũng chọn Eximbank vào bảng xếp hạng 1.000 ngân hàng hàng đầu thế giới. Trong số 8 ngân hàng Việt Nam được bình chọn vào bảng xếp hạng của The Banker, Eximbank vinh dự là ngân hàng đứng đầu.

Bảng xếp hạng này được tạp chí The Banker bắt đầu thực hiện từ năm 1970 và được công bố hàng năm vào tháng 7.

Tiêu chí xếp hạng quan trọng đầu tiên của The Banker là vốn cấp 1, bao gồm vốn điều lệ (vốn đã được cấp, vốn đã góp), quỹ đầu tư phát triển dịch vụ, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận không chia, thặng dư cổ phần được tính vào vốn theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra các tiêu chí khác được The Banker sử dụng trong bảng xếp hạng 1.000 ngân hàng hàng đầu thế giới bao gồm tổng tài sản, hệ số tài sản vốn, tăng trưởng lợi nhuận thực, lợi nhuận/vốn bình quân, ROA, BIS, NPL, và LTD (tỷ lệ dư nợ trên vốn huy động).

Mục đích chính của bảng xếp hạng này là nhằm công nhận thành tích của các ngân hàng hàng đầu trên thế giới và được sử dụng như nguồn chỉ dẫn về độ vững mạnh và khả năng sinh lời của các ngân hàng.

Nguồn: Vneconomy

Fitch Rating đánh giá bốn ngân hàng của Việt Nam đồng hạng B

Đánh giá mức độ rủi ro trong dài hạn, tổ chức xếp hạng tín nhiệm Fitch Rating xếp cả bốn ngân hàng Việt Nam đồng hạng B, theo kết quả được Fitch công bố ngày 20/7/2011.

Trong bốn ngân hàng này, có hai ngân hàng quốc doanh: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank), Ngân hàng Công thương (Vietinbank); hai ngân hàng thương mại cổ phần là ACB và Sacombank.

Tuy cùng đồng hạng B, nhưng theo giải thích của Fitch, hai ngân hàng thương mại cổ phần tỏ ra nhỉnh hơn về sức mạnh tín dụng và quản trị, trong khi hai ngân hàng quốc doanh tuy yếu hơn về khả năng ra chính sách, nhưng bù lại, có được sự hỗ trợ của Nhà nước.

Về mức độ an toàn, ACB và Sacombank được xếp hạng B, trong khi Vietinabank được xếp hạng B-. Bị đánh giá thấp nhất về mức độ an toàn là Agribank với hạng CCC.

Theo thang xếp hạng của Fitch, xếp hạng B phản ánh rủi ro tín dụng hiện hữu, nhưng vẫn trong giới hạn an toàn. Xếp hạng CCC đồng nghĩa với có rủi ro cơ bản về tín dụng.

Các chuyên gia của Fitch cảnh báo, khả năng hạ mức tín nhiệm có thể xảy ra nếu các chỉ số kinh tế không có dấu hiệu cải thiện như: lạm phát, lãi suất, rủi ro chất lượng tài sản cho vay. Trước kia, Vietcombank cũng được Fitch đánh giá, nhưng từ ngày 20/7, Fitch Rating không đánh giá ngân hàng này do “việc đánh giá không thích hợp”, theo thông cáo báo chí của Fitch.

Nguồn: SGTT

*** CÁC VẤN ĐỀ VỀ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**

Nhà đầu tư chứng khoán bắt đầu tháo chạy

• DIỆP ANH

Hàng loạt yếu tố bất lợi từ Mỹ, châu Âu đang khiến nhà đầu tư bắt đầu rơi vào hoảng loạn và bán tháo tài sản rủi ro cao

Hàng loạt yếu tố bất lợi từ kinh tế Mỹ, châu Âu đang khiến nhà đầu tư bắt đầu rơi vào trạng thái hoảng loạn và bán tháo những tài sản có khả năng trở thành giấy vụn như chứng khoán.

Phiên giao dịch hôm qua, thị trường chứng khoán Mỹ trượt mạnh nhất trong vòng 8 tuần, khối lượng giao dịch cổ phiếu bùng nổ lên gần 8,7 tỷ cổ phiếu, điều hiếm thấy trong vài tuần qua. Khu vực chứng khoán châu Âu cũng tuột dốc nhanh không kém.

Việc giải quyết trần nợ công của Mỹ vẫn chưa thấy tín hiệu nào đáng mừng, trong khi mỗi ngày qua, nỗi lo lại dày thêm một bậc. Tính tới hết ngày 27/7, nước Mỹ **chỉ còn đúng 6 ngày** để tự quyết định số phận nền kinh tế của mình.

Đã có rất nhiều ý kiến cảnh báo được đưa ra từ trong nước Mỹ và trên trường quốc tế về những thâm kịch của việc vỡ nợ đối với nền kinh tế Mỹ, cũng như những tác động khôn lường của nó tới thị trường tài chính toàn cầu.

Đối với khu vực châu Á, vấn đề nợ công của Mỹ và châu Âu giống như một hành tinh đang bay thẳng về phía Trái đất. Hành tinh đó **quá lớn để có thể né tránh**, cũng như quá khó để xác định được xem mức thiệt hại sẽ thế nào nếu va chạm xảy ra.

Với khoảng 3.000 tỷ USD dự trữ ngoại tệ nắm giữ dưới hình thức trái phiếu của Bộ Tài chính Mỹ, trong đó riêng Trung Quốc và Nhật Bản đã sở hữu tổng cộng trên 2.000 tỷ USD, rõ ràng châu Á sẽ là khu vực chịu ảnh hưởng trực tiếp nếu Mỹ rơi vào tình trạng vỡ nợ.

Bên cạnh vấn đề trần nợ, nước Mỹ còn đang đối mặt với **nguy cơ mất xếp hạng tín nhiệm cao nhất**, khi hàng loạt tổ chức định mức tín dụng đua nhau ra lời cảnh báo về khả năng đánh tụt xếp bậc của nền kinh tế đầu tàu thế giới.

Đầu tiên là tổ chức Moody's hôm 13/7 cho biết đưa xếp hạng tín nhiệm của Mỹ vào diện xem xét hạ bậc. Tiếp đó, ngày 18/7, Fitch Ratings nhắc lại cảnh báo hạ bậc tín nhiệm nếu Mỹ không nâng trần nợ và mới đây nhất là Standard & Poor's (S&P) hôm 21/7.

Ngân hàng JPMorgan Chase cho rằng các cuộc tranh luận chính trị xung quanh kế hoạch cắt giảm thâm hụt ngân sách có thể khiến Mỹ mất mức xếp hạng tín nhiệm cao nhất và **tiêu tốn khoảng 100 tỷ USD/năm** cũng như kéo lùi đà tăng trưởng của nền kinh tế.

Còn theo chuyên gia kinh tế trưởng Mohamed El-Erian thuộc Quỹ đầu tư trái phiếu lớn nhất thế giới (PIMCO), “việc bị hạ xếp hạng tín dụng đồng nghĩa với đồng USD yếu, lãi suất cao hơn và niềm tin vào kinh tế **trở nên mong manh**”.

Tổ chức Macroeconomic Advisers thì đưa ra dự báo, GDP Mỹ nửa sau năm 2011 có thể tăng trưởng chỉ 2,6% từ mức dự báo 3,2% vào trước đó, và tỷ lệ thất nghiệp ở thời điểm cuối năm 2011 sẽ ở mức 9,6% từ mức 9,2% theo kỳ vọng.

"Thị trường bắt đầu có những lo lắng thật sự về khả năng vỡ nợ. Tôi không nghĩ nó sắp xảy ra.. nhưng chúng tôi có thể bị hạ bậc tín nhiệm. Điều đó mỗi ngày càng trở nên rõ ràng hơn", Peter Cardillo, chuyên gia kinh tế trưởng thuộc hãng Avalon Partners có trụ sở ở New York, cho hay.

Cùng với những bất ổn tại Mỹ, hôm qua, thị trường còn dao động mạnh sau khi S&P **bất ngờ hạ xếp hạng tín nhiệm** của Hy Lạp từ CCC xuống CC với triển vọng tiêu cực. Tổ chức này cho rằng, đề xuất tái cấu trúc nợ của Liên minh châu Âu sẽ đẩy Hy Lạp vào nguy cơ “vỡ nợ có chọn lọc”.

Theo đề xuất tái cấu trúc của EU, các ngân hàng và các nhà bảo hiểm sẽ tình nguyện kéo dài thời gian đáo hạn đối với số trái phiếu của Hy Lạp với lãi suất thấp hơn. S&P cho rằng, các điều khoản của cả việc hoán đổi trái phiếu và đảo nợ đều bất lợi cho nhà đầu tư.

Trước S&P, Moody's cũng hạ 3 bậc tín nhiệm Hy Lạp từ Caa1 xuống mức Ca. Trong khi Fitch cũng đánh giá tín nhiệm Hy Lạp ở mức CCC và cho biết Hy Lạp có thể vỡ nợ tạm thời do quá trình hoán đổi trái phiếu.

Tuy nhiên, trái ngược với đánh giá tiêu cực của các tổ chức định mức tín nhiệm trên, Chủ tịch Ngân hàng Trung ương châu Âu vẫn cho rằng, "những nhà đầu tư đặt cược vào việc Hy Lạp vỡ nợ sẽ chịu thua thiệt".

Theo người đứng đầu định chế tài chính này, các tổ chức xếp hạng tín dụng đang phán xét một cách độc quyền và cách họ làm việc rõ ràng không phải tối ưu trong điều kiện của những tổ chức thị trường.

Song, cho dù **những lời trấn an của Chủ tịch Ngân hàng Trung ương châu Âu** là sự thực, thì giới đầu tư vẫn không tin tưởng cho lắm. Thậm chí có không ít người còn cho rằng, ông cũng nghĩ rằng Hy Lạp sẽ vỡ nợ, nhưng không nói ra bởi vị trí mà ông đang đứng.

Mặc dù nợ công là vấn đề đang được dư luận quan tâm nhiều nhất, nhưng mới đây, hôm 26/7, phát biểu tại Hội đồng Quan hệ đối ngoại của Mỹ ở New York, bà Christine Lagarde, Tổng Giám đốc Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), đã cảnh báo đó **chỉ là một trong ba thách thức hàng đầu** đe dọa nền kinh tế toàn cầu.

Theo bà, không chỉ có nợ công, phục hồi kinh tế không cân bằng và bất ổn định xã hội cũng là những yếu tố có thể đe dọa kinh tế toàn cầu. Bà nhấn mạnh, những

thách thức này gắn chặt chẽ với nhau và kinh tế thế giới chỉ có thể tăng trưởng ổn định, khi 3 nút thắt này được giải quyết dứt điểm.

Về nợ công châu Âu, bà Lagarde cho rằng, thỏa thuận mới nhất giữa các nhà lãnh đạo châu Âu đều được các thị trường tài chính quốc tế hoan nghênh, nhưng nguy cơ tái xuất hiện các rối loạn là rất cao. Vì vậy, châu Âu cần khẩn cấp triển khai và thực hiện nhanh các thỏa thuận này.

Với nợ công ở Mỹ, Tổng giám đốc IMF hối thúc Washington hành động tài chính táo bạo, hai đảng Dân chủ và Cộng hòa cần tìm ra một giải pháp chung. Bởi lẽ, việc nước Mỹ bị vỡ nợ không chỉ gây hậu quả nghiêm trọng đối với nền kinh tế Mỹ, mà còn ảnh hưởng đến kinh tế thế toàn cầu.

Theo bà Lagarde, mặc dù kinh tế thế giới đã bắt đầu tăng trưởng đáng lạc quan về trung hạn nhưng vẫn có nguy cơ mất cân bằng, bởi sự phát triển quá nóng của các nền kinh tế mới nổi, giá hàng hóa tăng cao tác động bất lợi tới các quốc gia thu nhập thấp, kéo dài khủng hoảng ở các nền kinh tế phát triển.

Thêm vào đó, những tranh chấp mâu thuẫn chính trị xã hội thời gian gần đây ở nhiều nước khu vực Trung Đông và Bắc Phi cho thấy tăng trưởng kinh tế bất cân bằng về xã hội sẽ dẫn đến biến động chính trị hoặc xung đột giữa các thế hệ. Thực trạng này đòi hỏi tăng trưởng kinh tế bền vững và thích hợp.

Theo báo cáo đầu tư toàn cầu 2011 được công bố tại Hội nghị của Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD), lần đầu tiên các nền kinh tế đang phát triển và chuyển đổi thu hút được hơn một nửa nguồn FDI của toàn cầu, với **642 tỷ USD**, so với 602 tỷ USD FDI mà các nước phát triển thu hút được.

Báo cáo trên cũng cho biết, nguồn vốn FDI từ các nền kinh tế đang phát triển và chuyển đổi đầu tư ra bên ngoài đạt mức kỷ lục 388 tỷ USD trong năm 2010, trong khi nguồn FDI từ các nước phát triển đầu tư vào các nước khác trên thế giới chỉ đạt 935 triệu USD, bằng một nửa đỉnh điểm của họ trong năm 2007.

Báo cáo đưa ra dự đoán năm 2011, FDI toàn cầu sẽ tiếp tục phục hồi và có thể trở lại mức trung bình trước khủng hoảng. UNCTAD cho rằng tạo thuận lợi và thúc đẩy đầu tư vẫn là nhân tố chủ yếu trong tất cả các chính sách đầu tư quốc gia gần đây của các chính phủ trên toàn cầu.

Theo TTVN

Phụ trách chuyên mục: TS. Trần Thị Thanh Tú

Ths. Nguyễn Thanh Lan

HVCH. Vũ Thị Thúy Vân

Địa chỉ email: tutt@neu.edu.vn